

Số: 280 /TTr-UBND

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2022

**TỜ TRÌNH**

**Về việc xây dựng Nghị quyết quy định một số nội dung chi và mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

Thực hiện chỉ đạo của Ban Thường vụ Thành ủy tại Thông báo số 779/TB-TU ngày 03/6/2022 về quy định một số chế độ chính sách đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý, cán bộ Lão thành cách mạng, tiền khởi nghĩa đang cư trú, hưởng chế độ chính sách trên địa bàn thành phố Hà Nội và một số chính sách khác của Thành ủy, trong đó:

*“Giao Ban Tổ chức Thành ủy phối hợp Ban cán sự đảng UBND thành phố, Văn phòng Thành ủy và các đơn vị liên quan, hoàn chỉnh các nội dung về chế độ chính sách của thành phố trình HĐND Thành phố ban hành trong kỳ họp thứ 5 khoá 16 vào tháng 7/2022, cụ thể các quy định sau:*

*(1) Quyết định số 2100-QĐ/TU ngày 05/9/2012 của Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội về việc ban hành “Quy định tạm thời một số chế độ, định mức chi hỗ trợ tổ chức đảng, các đoàn thể chính trị - xã hội trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội”.*

*(2) Quyết định số 4831-QĐ/TU ngày 10/10/2018 của Thành ủy Hà Nội về việc điều chỉnh Quyết định số 2100-QĐ/TU ngày 05/9/2012 của Ban Thường vụ Thành ủy về việc ban hành “Quy định tạm thời một số chế độ, định mức chi hỗ trợ tổ chức đảng, các đoàn thể chính trị- xã hội trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội”.*

*(3) Quyết định số 2616-QĐ/TU, ngày 01/9/2017 của Thành ủy Hà Nội “Ban hành Quy định về chế độ nghỉ điều dưỡng và thăm hỏi ốm đau khi điều trị tại bệnh viện”.*

*(4) Quyết định số 2617-QĐ/TU, ngày 01/9/2017 của Thành ủy Hà Nội “Ban hành Quy định tổ chức lễ tang và tổ chức đoàn viếng cán bộ và thân nhân cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý qua các thời kỳ khi từ trần”.*

*(5) Quyết định số 1605-QĐ/TU ngày 03/01/2017 của Thành ủy Hà Nội “Ban hành mức chi tiền thưởng kèm theo Huy hiệu Đảng”.*

*(6) Quyết định số 3967-QĐ/TU ngày 24/7/2018 của Thành ủy Hà Nội về việc “quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của các đảng uỷ Khối trực thuộc*



Thành ủy; Đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội; các quận ủy, huyện ủy, thị ủy; các Đảng ủy xã, phường, thị trấn thuộc Đảng bộ Thành phố Hà Nội”.

(7). Quyết định số 1774-QĐ/TU ngày 19/6/2012 của Thành ủy Hà Nội về việc ban hành “Quy định tạm thời một số điểm khi thành lập Đảng bộ Khối Doanh nghiệp, Đảng bộ Cụm Công nghiệp trực thuộc các quận, huyện, thị ủy.”

Ngày 10/6/2022, UBND Thành phố đã có Công văn số 5517/VP-KTTH về việc đề xuất quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố, trong đó:

- Giao Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan rà soát, tham mưu, báo cáo UBND Thành phố về một số chế độ, chính sách đối với các đối tượng thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý, cán bộ lão thành cách mạng, Tiền khởi nghĩa đang cư trú và một số đối tượng hưởng chính sách trên địa bàn Thành phố;

- Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, tham mưu, báo cáo UBND Thành phố về (i) một số chế độ chi tiêu của các Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy, quận, huyện, thị ủy và các đảng ủy xã, phường, thị trấn và (ii) một số chế độ, định mức chi hỗ trợ tổ chức đảng, các đoàn thể chính trị - xã hội trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước trên địa bàn Thành phố theo quy định pháp luật và chỉ đạo có liên quan của Thường trực Thành phố.

Căn cứ ý kiến của Thường trực HĐND Thành phố tại Công văn số 176/HĐND-KTNS ngày 10/8/2022 về việc xây dựng Nghị quyết của HĐND Thành phố, trong đó thống nhất chủ trương xây dựng Nghị quyết quy định một số nội dung chi và mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố;

Trên cơ sở đề xuất của Ban Tổ chức Thành ủy tại Văn bản số 1485-CV/BTCTU ngày 08/6/2022 về việc đề xuất ban hành quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố và ý kiến kết luận, chỉ đạo của Thường trực Thành ủy (tại cuộc họp ngày 22/8/2022), Ban Thường vụ Thành ủy (tại cuộc họp ngày 24/8/2022), Tờ trình số 4587/TTrLS:TC-LĐT BXH-NV ngày 19/8/2022 của Liên sở: Tài chính - Lao động Thương binh và Xã hội - Nội vụ, Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo, trình Hội đồng nhân dân Thành phố các nội dung cụ thể như sau:

## **I. CĂN CỨ PHÁP LÝ**

- Luật Thủ đô ngày 21/11/2012;
- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;
- Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;



- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

- Thông tư số 1539/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính quy định chi tiết về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban chấp hành Trung ương về ban hành Quy định chế độ chi hoạt động công tác đảng của tổ chức cơ sở đảng, đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở;

- Quy định số 169-QĐ/TW ngày 24/8/2008 của Ban Bí Thư quy định chế độ phụ cấp cấp ủy viên các cấp;

- Hướng dẫn số 56-HD/VPTW ngày 27/10/2015 của Văn phòng Trung ương Đảng về mức chi tiền thưởng kèm theo các hình thức khen thưởng đối với tổ chức đảng và đảng viên;

- Văn bản số 919-CV/VPTW/nb ngày 21/11/2016 của Văn phòng Trung ương quy định mức chi tiền thưởng kèm theo Huy hiệu 45 năm, 85 năm và 90 năm tuổi Đảng;

- Quy định số 09-QĐ/VPTW ngày 22/9/2017 của Văn phòng Trung ương Đảng quy định một số chế độ chi tiêu hoạt động của các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương;

- Văn bản số 2444-CV/VPTW/nb, ngày 5/6/2018 của Văn phòng Trung ương Đảng về việc chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của cấp ủy các cấp thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội

## **II. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT.**

Hà Nội là Thủ đô, trái tim của cả nước, trung tâm đầu não chính trị - hành chính quốc gia, nơi đặt trụ sở của các cơ quan trung ương của Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế; là trung tâm lớn về văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ, kinh tế và giao dịch quốc tế của cả nước, với dân số chiếm 8,5% của cả nước. Đảng bộ Hà Nội là Đảng bộ lớn nhất cả nước với 50 đảng bộ trực thuộc và gần 10% đảng viên của toàn Đảng. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xuyên suốt, kịp thời của Đảng mà nòng cốt là đội ngũ cán bộ, đảng viên của Thành phố là yếu tố tiên quyết giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế xã hội của Thủ đô.

Trong thời gian vừa qua, các chế độ, chính sách phục vụ hoạt động của các cấp ủy Đảng; chế độ, chi hỗ trợ tổ chức Đảng, các đoàn thể chính trị - xã hội trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước trên địa bàn Thành phố đang thực hiện theo Quyết định của Ban Thường vụ Thành ủy; đã tạo điều kiện củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động, năng lực lãnh đạo của các tổ chức đảng, tổ chức đoàn thể - chính trị; góp phần thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp, chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội XVI Đảng bộ Thành phố.



Tuy nhiên, do sự thay đổi của văn bản quy định về quản lý tài chính Đảng qua từng thời kỳ<sup>1</sup> và căn cứ tình hình thực tiễn, dẫn đến cần điều chỉnh một số chế độ, định mức chi phục vụ hoạt động của các cấp ủy đảng, tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của Thành phố; chế độ, chính sách đối với các đối tượng thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý, cán bộ Lão thành cách mạng, cán bộ Tiền khởi nghĩa đang cư trú và một số đối tượng hưởng chính sách trên địa bàn Thành phố. Ngày 03/6/2022, tại Thông báo số 779-TB/TU, Ban Thường vụ Thành ủy đã giao *“Ban Tổ chức Thành ủy phối hợp Ban cán sự Đảng UBND Thành phố, Văn phòng Thành ủy và các đơn vị liên quan, hoàn chỉnh các nội dung về chế độ chính sách của thành phố trình HĐND Thành phố ban hành trong kỳ họp thứ 5 khóa 16 vào tháng 7/2022”*

Ngày 08/6/2022, Ban Tổ chức Thành ủy đã có Văn bản số 1485-CV/BTCTU về việc đề xuất ban hành quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố, trong đó bao gồm:

(1) Một số chế độ, chính sách đối với các đối tượng thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý, cán bộ Lão thành cách mạng, cán bộ Tiền khởi nghĩa đang cư trú và một số đối tượng hưởng chính sách trên địa bàn Thành phố;

(2) Một số chế độ chi tiêu hoạt động của các Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy, Đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội, các quận, huyện, thị ủy, các đảng ủy xã, phường, thị trấn thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội;

(3) Một số chế độ, định mức chi hỗ trợ tổ chức Đảng, các đoàn thể chính trị - xã hội trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Theo báo cáo của Văn phòng Thành ủy, tổng số kinh phí đang thực hiện các chế độ, chính sách nêu trên là 183,7 tỷ đồng/năm.

Căn cứ điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, HĐND cấp tỉnh có quyền hạn: *Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương và chính sách thu hút, khuyến khích đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại địa phương phù hợp với điều kiện, khả năng ngân sách của địa phương và quy định của cơ quan nhà nước cấp trên.*

<sup>1</sup> Quy định số 09-QĐ/VPTW ngày 22/9/2017 của Văn phòng Trung ương Đảng quy định một số chế độ chi tiêu hoạt động của các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương



Căn cứ Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới, trong đó một trong các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu có nêu: “*Nghiên cứu cơ chế, chính sách đối với cán bộ làm văn phòng cấp ủy cơ sở; chế độ phục cấp cán bộ đảng, đoàn thể, tổ chức đảng trực thuộc đảng ủy cơ sở...*”.

Để đảm bảo sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên tổ chức đảng, đoàn thể được toàn diện và các chính sách, chế độ phục vụ hoạt động của các cấp ủy, tổ chức đảng, tổ chức đoàn thể - chính trị được liên tục, đồng bộ, đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, góp phần thực hiện công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị thực sự trong sạch, vững mạnh, tiêu biểu; căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy và trên cơ sở đề xuất của Ban Tổ chức Thành ủy tại Văn bản số 1485-CV/BTCTU ngày 08/6/2022; việc trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung chi và mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND thành phố Hà Nội, bao gồm: (1) một số chế độ, chính sách đối với các đối tượng thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý, cán bộ Lão thành cách mạng, cán bộ Tiên khởi nghĩa đang cư trú và một số đối tượng hưởng chính sách trên địa bàn Thành phố; (2) một số chế độ chi tiêu hoạt động của các Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy, Đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội, các quận, huyện, thị ủy, các đảng ủy xã, phường, thị trấn thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội; (3) một số chế độ, định mức chi hỗ trợ tổ chức Đảng, các đoàn thể chính trị - xã hội trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội là cần thiết.

### **III. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

1. Thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng.
2. Kế thừa và phát triển những chính sách chế độ trong các nhiệm kỳ trước phù hợp với yêu cầu thực tiễn của thành phố Hà Nội và khả năng cân đối ngân sách.

### **IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT:**

1. Bước 1: Trên cơ sở đề xuất của Ban Tổ chức Thành ủy, UBND Thành phố đã có Tờ trình số 248b/TTr-UBND ngày 27/7/2022 báo cáo Thường trực HĐND Thành phố chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định một số nội dung chi và mức chi thuộc thẩm quyền HĐND của thành phố Hà Nội.

2. Bước 2: Xin ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan

- Sở Tài chính có Công văn gửi các đơn vị thụ hưởng trực tiếp chính sách; đăng tải hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của Thành phố để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến. Liên sở đã tổng hợp tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia.

Đồng thời, trên cơ sở Công văn số 1504a-CV/VPTU ngày 26/7/2022 của Văn phòng Thành ủy, Liên sở: Tài chính – Lao động, Thương binh và Xã hội đã



tổng hợp kết quả báo cáo đánh giá tác động chính sách đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND Thành phố.

- UBND Thành phố đã có Công văn số 2410/UBND-KTTH ngày 27/7/2022 xin ý kiến các Bộ: Nội vụ, Tài chính, Lao động, Thương binh và xã hội về một số nội dung chi và mức chi có tính chất tiền lương, tiền công, phụ cấp.

Về cơ bản, các Bộ đề nghị UBND Thành phố căn cứ quy định tại Luật tổ chức chính quyền địa phương, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ trình HĐND Thành phố xem xét quyết định theo thẩm quyền (Công văn số 3834/BNV-TL ngày 10/8/2022 của Bộ Nội vụ; Công văn số 8078/BTC-NSNN ngày 15/8/2022 của Bộ Tài chính; Công văn số 3147/LĐTBXH-QHLĐTL ngày 17/8/2022 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội).

Ngoài ra, các Bộ có ý kiến thêm các nội dung sau:

+ Bộ Nội vụ: đề nghị mức chi trong các chế độ hỗ trợ bằng mức tiền tuyệt đối, không gắn với mức lương cơ sở để tránh phát sinh bất hợp lý khi thực hiện cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW.

+ Bộ Tài chính: đề nghị rà soát nội dung để đảm bảo thực hiện theo tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW. HĐND Thành phố quyết định các chế độ chi từ nguồn ngân sách địa phương, ngân sách Trung ương không hỗ trợ.

+ Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội: Riêng một số đối tượng Ban Thường vụ Thành ủy quản lý, tại Quy định số 09-QĐ/TW ngày 22/9/2017 của Văn phòng Trung ương Đảng đã quy định cụ thể chế độ thăm hỏi ốm đau, phúng viếng. Nay dự thảo Nghị quyết tiếp tục quy định các chế độ này. Vì vậy, đề nghị UBND Thành phố rà soát, bảo đảm đồng bộ về chính sách và không trùng lặp chế độ.

Liên sở đã tiếp thu ý kiến của các Bộ, chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.

3. Bước 3: Sở Tài chính đã có Công văn gửi Sở Tư pháp thẩm định hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết (kèm theo hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết).

Báo cáo số 195/BC-STP ngày 28/7/2022 của Sở Tư pháp có nêu về thẩm quyền ban hành Nghị quyết: *“HĐND cấp tỉnh chỉ có thẩm quyền ban hành những chế độ TW không có quy định mà cần thiết phải chi hỗ trợ hoặc TW đã có quy định nhưng vẫn cần phải chi hỗ trợ thêm để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Nghị quyết do HĐND ban hành sẽ thực hiện đồng thời với các chế độ định mức đã được TW quy định”*.

4. Bước 4: Sau khi Thường trực HĐND Thành phố chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết, Liên sở: Tài chính – Lao động, Thương binh và Xã hội – Nội vụ xây dựng dự thảo Tờ trình của UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố và dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung chi và mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND thành phố Hà Nội.



5. Bước 5: Sở Tài chính có Công văn xin ý kiến tham gia góp ý dự thảo Nghị quyết của các đơn vị có liên quan và đăng toàn văn dự thảo Nghị quyết trên Công thông tin điện tử của Thành phố để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến.

6. Bước 6: Căn cứ ý kiến kết luận, chỉ đạo của Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy; trên cơ sở ý kiến tham gia góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, Liên sở: Tài chính – Lao động, Thương binh và Xã hội – Nội vụ chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Tờ trình của UBND Thành phố, dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung chi và mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND thành phố Hà Nội; báo cáo tiếp thu ý kiến góp ý về dự thảo và có Công văn gửi Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết.

7. Bước 7: Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Liên sở: Tài chính – Lao động, Thương binh và Xã hội – Nội vụ chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố theo quy định.

## V. BỐ CỤC CỦA NGHỊ QUYẾT

Dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung chi và mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND thành phố Hà Nội gồm 2 Điều, nội dung cụ thể như sau:

- Điều 1: Quy định một số nội dung chi và mức chi đặc thù của thành phố Hà Nội.

- Điều 2: Tổ chức thực hiện.

## VI. NỘI DUNG CƠ BẢN

UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố tổng thể các nội dung chi theo các nội dung chi đang thực hiện theo các Quyết định của Ban Thường vụ Thành ủy và các mức chi đề xuất trên cơ sở Văn bản số 1485-CV/BTCTU ngày 08/6/2022 của Ban Tổ chức Thành ủy và ý kiến kết luận, chỉ đạo của Thường trực Thành ủy (tại cuộc họp ngày 22/8/2022), Ban Thường vụ Thành ủy (tại cuộc họp ngày 24/8/2022), bao gồm: (1) các nội dung chi và mức chi Trung ương đã quy định hoặc giao thẩm quyền cho Ban Thường vụ Thành ủy quyết định; (2) các nội dung chi có mức chi cao hơn quy định của Trung ương đề xuất Thành phố hỗ trợ thêm; (3) các nội dung chi Trung ương chưa quy định.

Các chế độ chi được quy định bằng mức tiền tuyệt đối theo chỉ đạo của Thường trực Thành ủy tại cuộc họp ngày 22/8/2022<sup>2</sup>. Riêng đối với các mức chi Trung ương đang quy định gắn với mức lương cơ sở, đề xuất tiếp tục quy định gắn với mức lương cơ sở để đảm bảo phù hợp với quy định của Trung ương<sup>3</sup>.

<sup>2</sup> Ý kiến của Bộ Nội vụ tại Công văn số 3834/BNV-TL ngày 10/8/2022: Đề nghị mức chi trong các chế độ hỗ trợ bằng mức tiền tuyệt đối không gắn với mức lương cơ sở để tránh phát sinh bất hợp lý khi thực hiện cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW

<sup>3</sup> Bao gồm: Mức chi tiền thưởng kèm theo Huy hiệu 70 năm tuổi Đảng trở lên, mức chi chế độ bồi dưỡng cán bộ làm công tác cấp ủy, cán bộ làm công tác văn thư tại Đảng ủy khối, Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất, Quận, huyện, thị ủy và Đảng ủy xã, phường, thị trấn.



Cụ thể như sau:

**1. Quy định một số chế độ, chính sách đối với các đối tượng thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội quản lý, cán bộ Lão thành cách mạng, cán bộ Tiền khởi nghĩa đang cư trú và một số đối tượng hưởng chính sách trên địa bàn Thành phố**

***1.1. Quy định nội dung chi và mức chi thực hiện chế độ nghỉ điều dưỡng, chế độ thăm hỏi ốm đau khi điều trị tại các cơ sở y tế, chế độ hỗ trợ chi phí tổ chức lễ tang và xây mộ, chế độ phúng viếng***

***a) Đối tượng áp dụng:***

(1) Các đồng chí Bí thư, Phó bí thư Thành ủy; Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND Thành phố (*đương chức và nghỉ hưu*).

(2) Các đồng chí Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy; Phó chủ tịch HĐND, Phó chủ tịch UBND Thành phố; Trợ lý của đồng chí Bí thư Thành ủy; Phó trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách Thành phố Hà Nội (*đương chức và nghỉ hưu*).

(3) Các đồng chí là Trưởng ban đảng, cơ quan trực thuộc Thành ủy; Thư ký của đồng chí Bí thư Thành ủy; Thành ủy viên; Giám đốc sở, trưởng cơ quan, ban ngành, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố và tương đương (*bao gồm cả các đơn vị sự nghiệp, đơn vị hiệp quản*); Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố; Bí thư đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy; Bí thư quận, huyện, thị ủy; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tổng công ty trực thuộc Thành phố (*đương chức và nghỉ hưu*).

(4) Các đồng chí là Phó trưởng ban đảng, cơ quan trực thuộc Thành ủy; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố; Thư ký của các đồng chí Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND Thành phố; Phó giám đốc sở, phó trưởng các cơ quan, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố và tương đương (*bao gồm cả các đơn vị sự nghiệp, đơn vị hiệp quản*); Phó Bí thư đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy; Phó Bí thư quận, huyện, thị ủy; Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; Ủy viên ủy ban kiểm tra Thành ủy; Cấp trưởng các Hội nghề nghiệp Thành phố; Phó tổng giám đốc Tổng công ty trực thuộc Thành phố (*đương chức và nghỉ hưu*).

(5) Các đồng chí Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội và các trường cao đẳng thuộc Thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy; Ủy viên Ban Thường vụ quận, huyện, thị ủy; Phó chủ tịch HĐND, Phó chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã và các đối tượng còn lại diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý (*đương chức và nghỉ hưu*);

(6) Cán bộ Lão thành cách mạng đang cư trú và hưởng chế độ trợ cấp tại các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội;



(7) Cán bộ Tiền khởi nghĩa đang cư trú và hưởng chế độ trợ cấp tại các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội.

(8) Các đối tượng còn lại (Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Đảng viên được tặng Huy hiệu 70 năm tuổi Đảng trở lên; Bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng); con của cán bộ giữ các chức danh nêu tại điểm (1), (2), (3), (4), (5).

(9) Ủy viên Ban Chấp hành Đảng ủy khối, quận, huyện, thị ủy, đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất (đương chức và nghỉ hưu).

(10) Cán bộ, công chức, người lao động (kể cả người đã nghỉ hưu) làm việc tại các Đảng ủy khối, quận, huyện, thị ủy, đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất

(11) Bí thư, phó bí thư Đảng ủy xã, phường, thị trấn (đương chức và nghỉ hưu).

(12) Ủy viên Ban chấp hành (đương chức), cán bộ thường trực văn phòng Đảng ủy của Đảng ủy xã, phường, thị trấn.

b) Nội dung chi và mức chi:

Các nội dung chi và mức chi thực hiện chế độ nghỉ điều dưỡng, chế độ thăm hỏi ốm đau khi điều trị tại các cơ sở y tế, chế độ hỗ trợ chi phí tổ chức lễ tang và xây mộ, chế độ phúng viếng được đề xuất trên cơ sở kế thừa các mức chi quy định tại Quyết định số 2616-QĐ/TU ngày 01/9/2017 của Thành ủy Hà Nội ban hành Quy định về chế độ nghỉ điều dưỡng và thăm hỏi ốm đau khi điều trị tại bệnh viện và Quyết định số 2617-QĐ/TU ngày 01/9/2017 của Thành ủy Hà Nội ban hành Quy định tổ chức lễ tang và tổ chức đoàn viếng cán bộ và thân nhân cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý qua các thời kỳ khi từ trần, Quyết định số 3967-QĐ/TU ngày 24/7/2018 của Thành ủy Hà Nội về việc quy định một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của các đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy; Đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội; các quận ủy, huyện ủy, thị ủy; các đảng ủy xã, phường, thị trấn thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội; đồng thời được điều chỉnh tăng so với mức chi đang thực hiện ở một số nhóm đối tượng hưởng chính sách đảm bảo đồng bộ giữa các nhóm đối tượng hưởng chính sách theo quy định tại Kết luận số 35-KL/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương của hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương<sup>4</sup>.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thường trực Thành ủy tại cuộc họp ngày 22/8/2022, các chế độ chi được quy định bằng mức tiền tuyệt đối (đã làm tròn số). Riêng đối với các mức chi phúng viếng đã được điều chỉnh so với đề xuất của Ban Tổ chức Thành ủy tại Văn bản số 1485-CV/BTCTU ngày 08/6/2022 đảm bảo

<sup>4</sup> Các nội dung chi và mức chi được tổng hợp trên cơ sở đề xuất của Ban Tổ chức Thành ủy tại Văn bản số 1485-CV/BTCTU ngày 08/6/2022 (đã làm tròn số).



nguyên tắc thống nhất giữa các nhóm chức danh và không thấp hơn Quy định số 09-QĐ/VPTW. Cụ thể như sau:

- **Các nội dung chi và mức chi theo Quy định số 09-QĐ/VPTW (Trung ương đã quy định hoặc giao thẩm quyền Ban Thường vụ quy định):** chi thăm hỏi khi ốm điều trị tại bệnh viện và chi phúng viếng đối với Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội; chi phúng viếng đối với bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng); con của cán bộ giữ chức danh nêu trên.

- **Các nội dung chi theo Quy định số 09-QĐ/VPTW nhưng mức chi cao hơn Quy định số 09-QĐ/VPTW (bao gồm mức chi theo quy định của Trung ương và mức chi đề xuất Thành phố hỗ trợ thêm):** (i) chi thăm hỏi khi ốm điều trị tại bệnh viện và chi phúng viếng đối với: Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố<sup>5</sup>; Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành; cán bộ, công chức người lao động làm việc tại quận, huyện, thị ủy, Đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất<sup>6</sup>; (ii) chi phúng viếng đối với bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng); con của cán bộ giữ chức danh nêu trên.

- **Các nội dung chi và mức chi chưa được quy định tại Quy định số 09-QĐ/VPTW:** (i) chi nghỉ điều dưỡng; (ii) chi chế độ hỗ trợ tang lễ (ngoài mức kinh phí theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội Việt Nam); (iii) chi chế độ thăm hỏi ốm đau, chế độ phúng viếng đối với các đối tượng Ban Thường vụ Thành ủy quản lý khác ngoài các chức danh nêu trên (đã nghỉ hưu, đương chức); Bí thư, Phó bí thư (đã nghỉ hưu và đương chức), Ủy viên Ban Chấp hành, cán bộ thường trực văn phòng Đảng ủy của Đảng ủy xã, phường, thị trấn (đương chức); cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ tiên khởi nghĩa, Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Đảng viên được tặng Huy hiệu 70 năm tuổi Đảng trở lên; bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng); con của cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý.

## **1.2 Quy định chế độ tiền thưởng kèm theo Huy hiệu từ 70 năm tuổi Đảng trở lên**

**a) Đối tượng áp dụng:** các đảng viên 70 năm, 75 năm, 80 năm, 85 năm, 90 năm tuổi Đảng.

**b) Mức chi:**

<sup>5</sup> Theo Quy định số 09-QĐ/TW:

- Chế độ thăm hỏi khi ốm điều trị tại bệnh viện đối với Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh, thành phố (kể cả nguyên chức), mức chi tối đa 2.000.000 đồng/người;

- Chế độ phúng viếng đối với Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh, thành phố (kể cả nguyên chức) khi từ trần, mức chi 2.500.000 đồng/người và 1 vòng hoa

<sup>6</sup> Theo Quy định số 09-QĐ/TW:

- Chế độ thăm hỏi khi ốm điều trị tại bệnh viện đối với Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành quận, huyện, thị ủy, Đảng ủy khu công nghiệp và chế xuất Thành phố (kể cả nguyên chức), mức chi tối đa 1.000.000 đồng/người;

- Chế độ phúng viếng đối với Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành quận, huyện, thị ủy, Đảng ủy khu công nghiệp và chế xuất Thành phố (kể cả nguyên chức) khi từ trần, mức chi tối đa 1.300.000 đồng/người và 1 vòng hoa.



Mức chi tiền thưởng kèm theo Huy hiệu từ 70 năm tuổi Đảng trở lên được đề xuất trên cơ sở kế thừa mức chi đã quy định tại Quyết định số 1605-QĐ/TU ngày 03/01/2017 của Thành ủy Hà Nội ban hành mức chi tiền thưởng kèm theo Huy hiệu Đảng. Mức chi đề xuất bao gồm mức chi theo quy định tại Hướng dẫn số 56-HD/VPTW ngày 27/10/2015 và Văn bản số 919-CV/VPTW/nb ngày 21/11/2016 của Văn phòng Trung ương Đảng<sup>7</sup> và mức chi hỗ trợ thêm của Thành phố ngoài mức chi quy định của Trung ương.

*(Chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm)*

**1.3. Nguồn kinh phí thực hiện:** Ngân sách Thành phố đảm bảo theo phân cấp và quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật<sup>8</sup>.

**2. Quy định một số chế độ chi tiêu hoạt động của các Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy, Đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội, các quận ủy, huyện ủy, thị ủy, các đảng ủy xã, phường, thị trấn thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội.**

**2.1. Đối tượng áp dụng:**

- Các đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy; Đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội;
- Các quận ủy, huyện ủy, thị ủy;
- Các đảng ủy xã, phường, thị trấn.

**2.2. Quy định cụ thể:**

Theo khoản 4, Điều 9, Quy định số 09-QĐ/VPTW ngày 22/9/2017 của Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng tỉnh ủy, thành ủy chủ trì, phối hợp với Ban tổ chức, Sở tài chính và các cơ quan liên quan của tỉnh, thành phố trình ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy quy định và hướng dẫn cấp ủy trực thuộc thực hiện các chế độ tại Quy định số 09-QĐ/VPTW, mức chi từ 30% đến 50% mức chi của cấp tỉnh cho phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

Theo đề xuất của Ban Tổ chức Thành ủy, để đảm bảo ổn định kinh phí hoạt động các cấp ủy trực thuộc Đảng bộ Thành phố, các nội dung chi và mức chi phục vụ hoạt động của các Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy, Đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội, các quận ủy, huyện ủy, thị ủy, các đảng ủy xã, phường, thị trấn thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội được kế thừa các nội dung chi và mức

<sup>7</sup> Hướng dẫn số 56-HD/VPTW ngày 27/10/2015 và của Văn phòng Trung ương Đảng<sup>7</sup> về mức chi tiền thưởng kèm theo các hình thức khen thưởng đối với tổ chức đảng và đảng viên, trong đó quy định mức tặng thưởng kèm theo Huy hiệu 70, 75, 80 năm tuổi Đảng và Văn bản số 919-CV/VPTW/nb ngày 21/11/2016 của Văn phòng Trung ương Đảng quy định mức chi tiền thưởng kèm theo Huy hiệu 45 năm, 85 năm và 90 năm tuổi Đảng.

<sup>8</sup> Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước, Thông tư số 1539/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính quy định chi tiết về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam



chi quy định tại Quyết định số 3967-QĐ/TU ngày 24/7/2018 của Thành ủy Hà Nội về việc quy định một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của các đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy; Đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội; các quận ủy, huyện ủy, thị ủy; các đảng ủy xã, phường, thị trấn thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

- **Các nội dung chi và mức chi theo Quy định số 09-QĐ/VPTW (tối đa bằng 50% mức chi của cấp tỉnh)<sup>9</sup>:** chi xây dựng và thẩm định văn bản; chi cho các đoàn kiểm tra, giám sát; chi hội nghị (trừ tiền ăn của đại biểu, khách mời); chi tiếp công dân của các Đảng ủy khối trực thuộc Thành phố, Đảng ủy khu công nghiệp và chế xuất, quận ủy, huyện ủy, thị ủy; chi chế độ khác đối với Đảng ủy khối trực thuộc Đảng bộ Thành phố (chế độ trang phục, chế độ bồi dưỡng phục vụ hoạt động cấp ủy, chế độ tặng quà lưu niệm đối với công chức, người lao động khi nghỉ hưu và chuyển công tác).

- **Các nội dung chi theo Quy định số 09-QĐ/VPTW nhưng mức chi cao hơn Quy định số 09-QĐ/VPTW (bao gồm mức chi theo quy định của Trung ương và mức chi đề xuất Thành phố hỗ trợ thêm):** chi tiền ăn của đại biểu và khách mời dự hội nghị; chi chế độ khác đối với Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất Thành phố, quận, huyện, thị ủy (chế độ trang phục, chế độ bồi dưỡng phục vụ hoạt động cấp ủy, chế độ tặng quà lưu niệm đối với công chức, người lao động khi nghỉ hưu và chuyển công tác);

- **Các nội dung chi và mức chi chưa được quy định tại Quy định số 09-QĐ/VPTW:** các chế độ chi của đảng ủy xã, phường, thị trấn bao gồm: chi xây dựng và thẩm định văn bản, chi cho các đoàn kiểm tra, chi hội nghị, chi tiếp công dân, chế độ trang phục, chế độ bồi dưỡng phục vụ hoạt động cấp ủy, chế độ tặng quà lưu niệm đối với công chức, người lao động làm việc tại Đảng ủy xã, phường, thị trấn.

*(Chi tiết theo phụ lục 02 đính kèm)*

**2.4. Nguồn kinh phí thực hiện:** Ngân sách Thành phố đảm bảo theo phân cấp và quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

**3. Quy định một số chế độ, định mức chi hỗ trợ tổ chức Đảng, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội.**

### **3.1. Đối tượng áp dụng:**

- Các đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy; Đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội; các quận ủy, huyện ủy, thị ủy; các đảng ủy xã, phường, thị trấn.

<sup>9</sup> Theo Quy định số 09-QĐ/VPTW thẩm quyền quyết định là Ban Thường vụ Thành ủy



- Các tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước;
- Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội cấp trên cơ sở và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước.

### **3.2. Nội dung chi và mức chi:**

Theo đề xuất của Ban Tổ chức Thành ủy, các nội dung chi và định mức chi hỗ trợ tổ chức Đảng, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước trên địa bàn Thành phố được kế thừa quy định tại Quyết định số 2100-QĐ/TU ngày 05/9/2012 của Thành ủy Hà Nội về việc ban hành quy định tạm thời một số chế độ, định mức chi hỗ trợ tổ chức đảng, các đoàn thể chính trị - xã hội trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội và Quyết định số 4831-QĐ/TU ngày 10/10/2018 của Thành ủy Hà Nội về việc điều chỉnh Quyết định số 2100-QĐ/TU ngày 05/9/2012 của Thành ủy Hà Nội. Thực hiện chỉ đạo của Thường trực Thành ủy tại cuộc họp ngày 22/8/2022, các mức chi được điều chỉnh quy định bằng mức tuyệt đối. Cụ thể như sau:

- Đối với chế độ chi hỗ trợ hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng: hỗ trợ thêm chi phí hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng theo số lượng đảng viên<sup>10</sup>.

- Đối với chế độ chi hỗ trợ thành lập mới tổ chức đảng; chi hỗ trợ hoạt động của chi bộ trực thuộc đảng bộ xã, phường, thị trấn và tương đương; chi hỗ trợ Ủy viên ban chấp hành chi bộ trực thuộc đảng bộ xã, phường, thị trấn và tương đương trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước và các chế độ chi hỗ trợ thành lập mới, hỗ trợ kinh phí hoạt động của các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, hỗ trợ cán bộ làm công tác đoàn thể tại các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước (Trung ương chưa quy định).

- Đối với chế độ hỗ trợ Ủy viên ban chấp hành đảng bộ, chi bộ cơ sở tương đương cấp xã: tại Quy định số 169-QĐ/TW ngày 24/8/2008 của Ban Bí Thư đã quy định chế độ phụ cấp cấp ủy viên các cấp, quy định “Ủy viên ban chấp hành đảng bộ, chi bộ cấp xã và tương đương hưởng hệ số 0,3 mức lương tối thiểu.”, đề nghị thực hiện theo Quy định số 169-QĐ/TW (bằng mức chi đề xuất của Ban Tổ chức Thành ủy tại Văn bản số 1485-CV/BTCTU ngày 08/6/2022).

*(Chi tiết theo các phụ lục 03 đính kèm)*

**3.4. Nguồn kinh phí thực hiện:** Ngân sách Thành phố đảm bảo theo phân cấp và quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

<sup>10</sup> Tại Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban chấp hành Trung ương về ban hành Quy định chế độ chi hoạt động công tác đảng của tổ chức cơ sở đảng, đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở, quy định: định mức lập dự toán chi hoạt động công tác đảng của chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở trong doanh nghiệp bằng 0,5 – 0,6% trên tổng quỹ lương của doanh nghiệp tùy vào tỷ lệ đảng viên trên tổng số cán bộ, công nhân viên. Phương thức đảm bảo kinh phí hoạt động của tổ chức đảng ngoài khu vực Nhà nước là cấp ủy cấp trên trực tiếp có trách nhiệm đảm bảo phần chênh lệch chi hoạt động của tổ chức đảng cấp dưới (sau khi trừ đảng phí, kinh phí hỗ trợ của doanh nghiệp).



## V. DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng kinh phí thực hiện chính sách theo báo cáo của Văn phòng Thành ủy dự kiến là 185,5 tỷ đồng, trong đó:

- Kinh phí thực hiện chế độ theo quy định của Trung ương khoảng: 48,7 tỷ đồng;
- Kinh phí thực hiện các chế độ chi hỗ trợ thêm của Thành phố so với cấp có thẩm quyền quy định khoảng: 9,8 tỷ đồng;
- Kinh phí thực hiện các chế độ chi Trung ương chưa quy định khoảng 127 tỷ đồng.

UBND Thành phố kính trình HĐND Thành phố xem xét, quyết nghị./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- BTCTU, VPTU (để phối hợp);
- Các sở: Tài chính; LĐTBXH; NV;
- VPUB: CVP, PCVP (Đ.Q.Hùng), KGVX, KTTH, TH;
- Lưu: VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Sơn







**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Số: /2022/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc quy định một số nội dung chi và mức chi thuộc thẩm quyền  
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
KHÓA XVI - KỲ HỌP THỨ ....**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Thủ đô ngày 21 tháng 11 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp  
luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 1539/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của  
Bộ Tài chính quy định chi tiết về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với các  
cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam;*

*Thực hiện Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30 tháng 5 năm 2012 của Ban  
chấp hành Trung ương về ban hành Quy định chế độ chi hoạt động công tác đảng  
của tổ chức cơ sở đảng, đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở;*

*Thực hiện Quy định số 169-QĐ/TW ngày 24 tháng 8 năm 2008 của Ban Bí  
Thư quy định chế độ phụ cấp cấp ủy viên các cấp;*

*Thực hiện Hướng dẫn số 56-HD/VPTW ngày 27 tháng 10 năm 2015 của  
Văn phòng Trung ương Đảng về mức chi tiền thưởng kèm theo các hình thức khen  
thưởng đối với tổ chức đảng và đảng viên;*

*Thực hiện Văn bản số 919-CV/VPTW/nb ngày 21 tháng 11 năm 2016 của  
Văn phòng Trung ương quy định mức chi tiền thưởng kèm theo Huy hiệu 45 năm,  
85 năm và 90 năm tuổi Đảng;*



*Thực hiện Quy định số 09-QĐ/VPTW ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Văn phòng Trung ương Đảng quy định một số chế độ chi tiêu hoạt động của các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương;*

*Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc quy định một số nội dung chi và mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố; Báo cáo thẩm tra của...; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Một số nội dung chi và mức chi đặc thù của thành phố Hà Nội**

**Điều 1.** Quy định một số nội dung chi và mức chi đặc thù của thành phố Hà Nội, cụ thể:

(1) Quy định một số chế độ, chính sách đối với các đối tượng thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý, cán bộ Lão thành cách mạng, cán bộ Tiền khởi nghĩa đang cư trú và một số đối tượng hưởng chính sách trên địa bàn Thành phố. *(Chi tiết theo Phụ lục 01 kèm theo)*

(2) Quy định một số chế độ chi tiêu hoạt động của các Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy, Đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội, các quận ủy, huyện ủy, thị ủy và các đảng ủy xã, phường, thị trấn thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội *(Chi tiết theo Phụ lục 02 kèm theo)*

(3) Quy định một số chế độ, định mức chi hỗ trợ tổ chức Đảng, các đoàn thể chính trị - xã hội trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội *(Chi tiết theo Phụ lục 03 kèm theo)*.

### **Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Sau khi Chính phủ triển khai áp dụng chế độ tiền lương mới theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp, giao UBND Thành phố rà soát, báo cáo HĐND Thành phố đối với các chế độ gắn với mức lương cơ sở đảm bảo các quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.



2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Văn phòng Thành ủy, các cơ quan thuộc Thành ủy phối hợp tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp thành phố Hà Nội tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá XVI, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2022 và có hiệu lực thi hành từ ngày / /2022./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội;
- Ban công tác ĐB của UBTWQH;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính;
- Thường trực Thành ủy Hà Nội;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- Văn phòng Thành ủy, các Ban Đảng Thành ủy;
- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố;
- Văn phòng UBND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Ngọc Tuấn**



**Phụ lục 01**  
**QUY ĐỊNH MỘT SỐ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁC ĐỐI TƯỢNG THUỘC DIỆN BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY HÀ NỘI QUẢN LÝ, CÁN BỘ LÃO THÀNH CÁCH MẠNG, CÁN BỘ TIỀN KHỎI NGHĨA ĐANG CƯ TRÚ VÀ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG CHÍNH SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**  
*(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ- HĐND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố)*

**I. QUY ĐỊNH MỘT SỐ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁC ĐỐI TƯỢNG THUỘC DIỆN BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY HÀ NỘI QUẢN LÝ, CÁN BỘ LÃO THÀNH CÁCH MẠNG, CÁN BỘ TIỀN KHỎI NGHĨA ĐANG CƯ TRÚ VÀ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG CHÍNH SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

TT	Đối tượng	Chế độ cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Quy định nội dung chi và mức chi thực hiện chế độ nghỉ điều dưỡng, chế độ thăm hỏi ốm đau khi điều trị tại các cơ sở y tế, chế độ hỗ trợ chi phí tổ chức lễ tang và xây mộ, chế độ phúng viếng</b>			
<b>I</b>	<b>Điều dưỡng tập trung</b>			
a	Các đồng chí Bí thư, Phó bí thư Thành ủy; Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND Thành phố (nghỉ hưu)		01 lần/năm (07 ngày)	
b	Các đồng chí Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy; Phó chủ tịch HĐND, Phó chủ tịch UBND Thành phố; Trợ lý của đồng chí Bí thư Thành ủy; Phó trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách Thành phố Hà Nội (nghỉ hưu)		01 lần/năm (07 ngày)	
c	Các đồng chí là Trưởng ban đảng, cơ quan trực thuộc Thành ủy; Thư ký của đồng chí Bí thư Thành ủy; Thành ủy viên; Giám đốc sở, trưởng cơ quan, ban ngành, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố và tương đương (bao gồm cả các đơn vị sự nghiệp, đơn vị hiệp quân); Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố; Bí thư đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy; Bí thư quận, huyện, thị ủy; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tổng công ty trực thuộc Thành phố (nghỉ hưu)		01 lần/năm (05 ngày)	

<sup>1</sup> - Quy định số 09-QĐ/VPTW ngày 22/9/2017 của Văn phòng Trung ương Đảng quy định một số chế độ chi tiêu hoạt động của các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương;  
- Hướng dẫn số 56-HD/VPTW ngày 27/10/2015 của Văn phòng Trung ương Đảng về mức chi tiền thưởng kèm theo các hình thức khen thưởng đối với tổ chức đảng và đảng viên;  
- Văn bản số 919-CV/VPTW/nb ngày 21/11/2016 của Văn phòng Trung ương quy định mức chi tiền thưởng kèm theo Huy hiệu 45 năm, 85 năm và 90 năm tuổi Đảng



TT	Đối tượng	Chế độ cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	Ghi chú
d	Các đồng chí là Phó trưởng ban đảng, cơ quan trực thuộc Thành ủy; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố; Thư ký của các đồng chí Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND Thành phố; Phó giám đốc sở, phó trưởng các cơ quan, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố và tương đương (bao gồm cả các đơn vị sự nghiệp, đơn vị hiệp quản); Phó Bí thư đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy; Phó Bí thư quận, huyện, thị ủy; Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; Ủy viên ủy ban kiểm tra Thành ủy; Cấp trưởng các Hội nghề nghiệp Thành phố; Phó tổng giám đốc Tổng công ty trực thuộc Thành phố (nghỉ hưu).		01 lần/năm (05 ngày)	
đ	Các đồng chí Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội và các trường cao đẳng thuộc Thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy; Ủy viên Ban Thường vụ quận, huyện, thị ủy; Phó chủ tịch HĐND, Phó chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã và các đối tượng còn lại diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý (nghỉ hưu)		01 lần/năm (05 ngày)	
e	Cán bộ Lão thành cách mạng đang cư trú và hưởng chế độ trợ cấp tại các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội		01 lần/năm (07 ngày)	
g	Cán bộ Tiền khởi nghĩa đang cư trú và hưởng chế độ trợ cấp tại các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội		01 lần/năm (05 ngày)	
<b>2</b>	<b>Điều dưỡng tại nhà</b>			
a	Các đồng chí Bí thư, Phó bí thư Thành ủy; Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND Thành phố (cán bộ đương chức và cán bộ nghỉ hưu không đi điều dưỡng tập trung)		5.000.000 đồng/năm	
b	Các đồng chí Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy; Phó chủ tịch HĐND, Phó chủ tịch UBND Thành phố; Trợ lý của đồng chí Bí thư Thành ủy; Phó trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách Thành phố Hà Nội (cán bộ đương chức và cán bộ nghỉ hưu không đi điều dưỡng tập trung)		4.000.000 đồng/năm	

TT	Đối tượng	Chế độ cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	Ghi chú
c	<p>Các đồng chí là Trưởng ban đảng, cơ quan trực thuộc Thành ủy; Thư ký của đồng chí Bí thư Thành ủy; Thành ủy viên; Giám đốc sở, trưởng cơ quan, ban ngành, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố và tương đương (bao gồm cả các đơn vị sự nghiệp, đơn vị hiệp quân); Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố; Bí thư đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy; Bí thư quận, huyện, thị ủy; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tổng công ty trực thuộc Thành phố (cán bộ đương chức và cán bộ nghỉ hưu không đi điều dưỡng tập trung)</p>		3.000.000 đồng/năm	
d	<p>Các đồng chí là Phó trưởng ban đảng, cơ quan trực thuộc Thành ủy; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố; Thư ký của các đồng chí Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND Thành phố; Phó giám đốc sở, phó trưởng các cơ quan, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố và tương đương (bao gồm cả các đơn vị sự nghiệp, đơn vị hiệp quân); Phó Bí thư đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy; Phó Bí thư quận, huyện, thị ủy; Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; Ủy viên ủy ban kiểm tra Thành ủy; Cấp trưởng các Hội nghề nghiệp Thành phố; Phó tổng giám đốc Tổng công ty trực thuộc Thành phố (cán bộ đương chức và cán bộ nghỉ hưu không đi điều dưỡng tập trung)</p>		2.500.000 đồng/năm	
đ	<p>Các đồng chí Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội và các trường cao đẳng thuộc Thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy; Ủy viên Ban Thường vụ quận, huyện, thị ủy; Phó chủ tịch HĐND, Phó chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã và các đối tượng còn lại diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý (cán bộ đương chức và cán bộ nghỉ hưu không đi điều dưỡng tập trung)</p>		1.500.000 đồng/năm	
e	<p>Cán bộ Lão thành cách mạng đang cư trú và hưởng chế độ trợ cấp tại các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội (không đi điều dưỡng tập trung)</p>		4.000.000 đồng/năm	
g	<p>Cán bộ Tiên khởi nghĩa đang cư trú và hưởng chế độ trợ cấp tại các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội (không đi điều dưỡng tập trung)</p>		2.500.000 đồng/năm	
3	<p><b>Chế độ thăm hỏi ốm đau khi điều trị tại các cơ sở y tế</b></p>			



TT	Đối tượng	Chế độ cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	Ghi chú
a	Các đồng chí Bí thư, Phó bí thư Thành ủy; Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND Thành phố (đương chức và nghỉ hưu)	Tối đa 2.000.000 đồng/người/lần	Hỗ trợ thêm quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 2.500.000 đồng/người/lần	
b	Các đồng chí Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy; Phó chủ tịch HĐND, Phó chủ tịch UBND Thành phố; Trợ lý của đồng chí Bí thư Thành ủy; Phó trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách Thành phố Hà Nội (đương chức và nghỉ hưu)			
-	Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội	Tối đa 2.000.000 đồng/người/lần	Hỗ trợ thêm quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 2.000.000 đồng/người/lần	
-	Cán bộ giữ chức danh tại điểm b nêu trên (trừ Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội)		Quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 4.000.000 đồng/người/lần	
c	Các đồng chí là Trưởng ban đảng, cơ quan trực thuộc Thành ủy; Thư ký của đồng chí Bí thư Thành ủy; Thành ủy viên; Giám đốc sở, trưởng cơ quan, ban ngành, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố và tương đương (bao gồm cả các đơn vị sự nghiệp, đơn vị hiệp quản); Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố; Bí thư đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy; Bí thư quận, huyện, thị ủy; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tổng công ty trực thuộc Thành phố (đương chức và nghỉ hưu)			
-	Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội	Tối đa 2.000.000 đồng/người/lần	Hỗ trợ thêm quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 1.000.000 đồng/người/lần	
-	Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội	Tối đa 2.000.000 đồng/người/lần	Hỗ trợ thêm quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 1.000.000 đồng/người/lần	

TT	Đối tượng	Chế độ cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	Ghi chú
-	Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành quận, huyện, thị ủy và Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội	Tối đa 1.000.000 đồng/người/lần	Hỗ trợ thêm quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 2.000.000 đồng/người/lần	
-	Cán bộ giữ chức danh tại điểm c nêu trên (trừ Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội; Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối, quận, huyện, thị ủy, Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội)		Quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 3.000.000 đồng/người/lần	
d	Các đồng chí là Phó trưởng ban đảng, cơ quan trực thuộc Thành ủy; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố; Thư ký của các đồng chí Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND Thành phố; Phó giám đốc sở, phó trưởng các cơ quan, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố và tương đương (bao gồm cả các đơn vị sự nghiệp, đơn vị hiệp quản); Phó Bí thư đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy; Phó Bí thư quận, huyện, thị ủy; Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; Ủy viên ủy ban kiểm tra Thành ủy; Cấp trưởng các Hội nghề nghiệp Thành phố; Phó tổng giám đốc Tổng công ty trực thuộc Thành phố (đương chức và nghỉ hưu).			
-	Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội	Tối đa 2.000.000 đồng/người/lần	Hỗ trợ thêm quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 500.000 đồng/người/lần	
-	Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy	Tối đa 2.000.000 đồng/người/lần	Hỗ trợ thêm quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 500.000 đồng/người/lần	
-	Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành quận, huyện, thị ủy và Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội	Tối đa 1.000.000 đồng/người/lần	Hỗ trợ thêm quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 1.500.000 đồng/người/lần	



TT	Đối tượng	Chế độ cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	Ghi chú
-	Cán bộ giữ chức danh tại điểm d nêu trên (trừ Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối, quận, huyện, thị ủy, Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội)		Quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 2.500.000 đồng/người/lần	
đ	Các đồng chí Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội và các trường cao đẳng thuộc Thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy; Ủy viên Ban Thường vụ quận, huyện, thị ủy; Phó chủ tịch HĐND, Phó chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã và các đối tượng còn lại diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý (đương chức và nghỉ hưu)			
-	Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội	Tối đa 2.000.000 đồng/người/lần	Hỗ trợ thêm quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần	
-	Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành quận, huyện, thị ủy và Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội	Tối đa 1.000.000 đồng/người/lần	Hỗ trợ thêm quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 1.000.000 đồng/người/lần	
-	Cán bộ giữ chức danh tại điểm đ nêu trên (trừ Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối, quận, huyện, thị ủy, Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội)		Quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 2.000.000 đồng/người/lần	
e	Cán bộ Lão thành cách mạng đang cư trú và hưởng chế độ trợ cấp tại các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội		Quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 4.000.000 đồng/người/lần	
g	Cán bộ Tiền khởi nghĩa đang cư trú và hưởng chế độ trợ cấp tại các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội		Quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 3.000.000 đồng/người/lần	
i	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng ủy khối, quận ủy, huyện ủy, thị ủy, Đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội (đương chức và nghỉ hưu)			

TT	Đối tượng	Chế độ cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	Ghi chú
-	Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội	Tối đa 2.000.000 đồng/người/lần	Hỗ trợ thêm quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần	
-	Ủy viên Ban chấp hành quận, huyện, thị ủy và Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội	Tối đa 1.000.000 đồng/người/lần	Hỗ trợ thêm quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 1.000.000 đồng/người/lần	
k	Cán bộ, công chức, người lao động (kể cả người đã nghỉ hưu) làm việc tại các Đảng ủy khối, quận ủy, huyện ủy, thị ủy, Đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội			
-	Cán bộ, công chức, người lao động (kể cả người đã nghỉ hưu) làm việc tại các Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội	Tối đa 1.000.000 đồng/người/lần		
-	Cán bộ, công chức, người lao động (kể cả người đã nghỉ hưu) làm việc tại các quận, huyện, thị ủy, đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội	Tối đa 500.000 đồng/người/lần	Hỗ trợ thêm 500.000 đồng/người/lần	
l	Bí thư, phó bí thư Đảng ủy xã, phường, thị trấn (đương chức và nghỉ hưu) thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội		1.000.000 đồng/người/lần	
m	Ủy viên Ban chấp hành (đương chức), cán bộ thường trực văn phòng Đảng ủy của Đảng ủy xã, phường, thị trấn thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội		500.000 đồng/người/lần	
<b>4</b>	<b>Chế độ hỗ trợ Lễ tang</b>			
a	Các đồng chí Bí thư, Phó bí thư Thành ủy; Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND Thành phố (đương chức và nghỉ hưu)	Thực hiện Thông tư số 74/2013/TT-BTC, ngày 04/6/2013 của Bộ Tài chính quy định các khoản chi phí và thực hiện việc cấp, quyết toán ngân sách Nhà nước phục vụ Lễ Quốc tang, Lễ tang cấp Nhà nước, Lễ tang cấp cao		



TT	Đối tượng	Chế độ cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	Ghi chú
b	Các đồng chí Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy; Phó chủ tịch HĐND, Phó chủ tịch UBND Thành phố; Trợ lý của đồng chí Bí thư Thành ủy; Phó trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách Thành phố Hà Nội (đương chức và nghỉ hưu)		40.000.000 đồng	
c	Các đồng chí là Trưởng ban đảng, cơ quan trực thuộc Thành ủy; Thư ký của đồng chí Bí thư Thành ủy; Thành ủy viên; Giám đốc sở, trưởng cơ quan, ban ngành, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố và tương đương (bao gồm cả các đơn vị sự nghiệp, đơn vị hiệp quản); Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố; Bí thư đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy; Bí thư quận, huyện, thị ủy; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tổng công ty trực thuộc Thành phố (đương chức và nghỉ hưu)		30.000.000 đồng	
d	Các đồng chí là Phó trưởng ban đảng, cơ quan trực thuộc Thành ủy; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố; Thư ký của các đồng chí Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND Thành phố; Phó giám đốc sở, phó trưởng các cơ quan, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố và tương đương (bao gồm cả các đơn vị sự nghiệp, đơn vị hiệp quản); Phó Bí thư đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy; Phó Bí thư quận, huyện, thị ủy; Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; Ủy viên ủy ban kiểm tra Thành ủy; Cấp trưởng các Hội nghề nghiệp Thành phố; Phó tổng giám đốc Tổng công ty trực thuộc Thành phố (đương chức và nghỉ hưu)		25.000.000 đồng	
đ	Các đồng chí Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội và các trường cao đẳng thuộc Thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy; Ủy viên Ban Thường vụ quận, huyện, thị ủy; Phó chủ tịch HĐND, Phó chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã và các đối tượng còn lại diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý (đương chức và nghỉ hưu)		15.000.000 đồng	
e	Cán bộ Lão thành cách mạng đang cư trú và hưởng chế độ trợ cấp tại các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội		40.000.000 đồng	

TT	Đối tượng	Chế độ cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	Ghi chú
g	Cán bộ Tiên khởi nghĩa đang cư trú và hưởng chế độ trợ cấp tại các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội		25.000.000 đồng	
<b>5</b>	<b>Chế độ phúng viếng</b>			
a	Các đồng chí Bí thư, Phó bí thư Thành ủy; Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND Thành phố (đương chức và nghỉ hưu)	2.500.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 2.000.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
b	Các đồng chí Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy; Phó chủ tịch HĐND, Phó chủ tịch UBND Thành phố; Trợ lý của đồng chí Bí thư Thành ủy; Phó trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách Thành phố Hà Nội (đương chức và nghỉ hưu)			
-	Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội	2.500.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 1.500.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
-	Cán bộ giữ chức danh tại điểm b nêu trên (trừ Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ thành phố)		4.000.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
c	Các đồng chí là Trưởng ban đảng, cơ quan trực thuộc Thành ủy; Thư ký của đồng chí Bí thư Thành ủy; Thành ủy viên; Giám đốc sở, trường cơ quan, ban ngành, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố và tương đương (bao gồm cả các đơn vị sự nghiệp, đơn vị hiệp quản); Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố; Bí thư đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy; Bí thư quận, huyện, thị ủy; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tổng công ty trực thuộc Thành phố (đương chức và nghỉ hưu)			
-	Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội	2.500.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
-	Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội	2.500.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
-	Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành quận, huyện, thị ủy và Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội	Tối đa 1.250.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 2.250.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng



TT	Đối tượng	Chế độ cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	Ghi chú
-	Cán bộ giữ chức danh tại điểm c nêu trên (trừ Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối, quận, huyện, thị ủy, Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội)		3.500.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
d	Các đồng chí là Phó trưởng ban đảng, cơ quan trực thuộc Thành ủy; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố; Thư ký của các đồng chí Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND Thành phố; Phó giám đốc sở, phó trưởng các cơ quan, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố và tương đương (bao gồm cả các đơn vị sự nghiệp, đơn vị hiệp quân); Phó Bí thư đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy; Phó Bí thư quận, huyện, thị ủy; Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; Ủy viên ủy ban kiểm tra Thành ủy; Cấp trưởng các Hội nghề nghiệp Thành phố; Phó tổng giám đốc Tổng công ty trực thuộc Thành phố (đương chức và nghỉ hưu)			
-	Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội	2.500.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 500.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
-	Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội	2.500.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 500.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
-	Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành quận, huyện, thị ủy và Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội	Tối đa 1.250.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 1.250.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
-	Cán bộ giữ chức danh tại điểm d nêu trên (trừ Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối, quận, huyện, thị ủy, Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội)		3.000.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
đ	Các đồng chí Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội và các trường cao đẳng thuộc Thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy; Ủy viên Ban Thường vụ quận, huyện, thị ủy; Phó chủ tịch HĐND, Phó chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã và các đối tượng còn lại diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý (đương chức và nghỉ hưu)			

TT	Đối tượng	Chế độ cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	Ghi chú
-	Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội	2.500.000 đồng/người và 01 vòng hoa		Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
-	Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành quận, huyện, thị ủy và Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội	Tối đa 1.250.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 1.250.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
-	Cán bộ giữ chức danh tại điểm đ nêu trên (trừ Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối, quận, huyện, thị ủy, Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội)		2.500.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
e	Cán bộ Lão thành cách mạng đang cư trú và hưởng chế độ trợ cấp tại các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội		01 vòng hoa (tối đa 1.500.000 đồng) và tiền phúng viếng bằng 4.000.000 đồng/người	
g	Cán bộ Tiền khởi nghĩa đang cư trú và hưởng chế độ trợ cấp tại các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội		01 vòng hoa (tối đa 1.500.000 đồng) và tiền phúng viếng bằng 3.000.000 đồng/người	
h	Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Đảng viên được tặng Huy hiệu 70 năm tuổi Đảng trở lên; Bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng); con đẻ của cán bộ giữ các chức danh nêu tại điểm a, b, c, d, đ			
-	Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Đảng viên được tặng Huy hiệu 70 năm tuổi Đảng trở lên		01 vòng hoa (tối đa 1.500.000 đồng) và tiền phúng viếng bằng 2.000.000 đồng/người	
-	Bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng); con của cán bộ giữ các chức danh nêu tại điểm a, b, c, d, đ, trong đó:			
	- Cán bộ giữ các chức danh nêu tại điểm a, b, c, d, đ là Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội	1.500.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 500.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
	- Cán bộ giữ các chức danh nêu tại điểm a, b, c, d, đ là Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội	1.500.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 500.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng



TT	Đối tượng	Chế độ cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	Ghi chú
	- Cán bộ giữ các chức danh nêu tại điểm a, b, c, d, đ là Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành quận, huyện, thị ủy; Đảng ủy khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội	750.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 1.250.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
	- Cán bộ giữ các chức danh nêu tại điểm a, b, c, d, đ (trừ Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối, quận, huyện, thị ủy, Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội)		2.000.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
i	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng ủy khối, quận ủy, huyện ủy, thị ủy, Đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội (đương chức và nghỉ hưu)			
-	Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội	2.500.000 đồng/người và 01 vòng hoa		Vòng hoa tối đa 800.000 đồng
-	Ủy viên Ban chấp hành quận, huyện, thị ủy và Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội	Tối đa 1.250.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 1.250.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 800.000 đồng
k	Cán bộ, công chức, người lao động (kể cả người đã nghỉ hưu) làm việc tại các Đảng ủy khối, quận ủy, huyện ủy, thị ủy, Đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội			
-	Cán bộ, công chức, người lao động (kể cả người đã nghỉ hưu) làm việc tại các Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội	2.000.000 đồng/người và 01 vòng hoa		Vòng hoa tối đa 800.000 đồng
-	Cán bộ, công chức, người lao động (kể cả người đã nghỉ hưu) làm việc tại các quận, huyện, thị ủy, đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội	1.000.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 800.000 đồng
l	Bí thư, phó bí thư Đảng ủy xã, phường, thị trấn (đương chức và nghỉ hưu) thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội		01 vòng hoa (tối đa 500.000 đồng) và tiền phúng viếng bằng 1.000.000 đồng/người	
m	Ủy viên Ban chấp hành (đương chức), cán bộ thường trực văn phòng Đảng ủy của Đảng ủy xã, phường, thị trấn thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội		01 vòng hoa (tối đa 500.000 đồng) và tiền phúng viếng bằng 1.000.000 đồng/người	

TT	Đối tượng	Chế độ cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	Ghi chú
n	Bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng); con của cán bộ giữ các chức danh nêu tại điểm i, trong đó:			
-	Cán bộ giữ các chức danh nêu tại điểm i là Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội	1.500.000 đồng/người và 01 vòng hoa		Vòng hoa tối đa 800.000 đồng
-	Cán bộ giữ các chức danh nêu tại điểm i là Ủy viên Ban chấp hành quận, huyện, thị ủy; Đảng ủy khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội	Tối đa 750.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 750.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 800.000 đồng
o	Bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng); con của cán bộ giữ các chức danh nêu tại điểm k, trong đó:			
-	Cán bộ giữ các chức danh nêu tại điểm k là Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội	1.000.000 đồng/người và 01 vòng hoa		Vòng hoa tối đa 800.000 đồng
-	Cán bộ giữ các chức danh nêu tại điểm k là Ủy viên Ban chấp hành quận, huyện, thị ủy; Đảng ủy khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội	Tối đa 500.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 500.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 800.000 đồng
ô	Bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng); con của cán bộ giữ các chức danh nêu tại điểm l, m		01 vòng hoa (tối đa 500.000 đồng) và tiền phúng viếng bằng 500.000 đồng/người	
<b>II</b>	<b>Quy định chế độ tiền thưởng kèm theo Huy hiệu từ 70 năm tuổi Đảng trở lên</b> (Mức chi tiền thưởng kèm theo Huy hiệu Đảng sau khi nhân với hệ số mức tiền lương cơ sở được làm tròn lên số hàng trăm nghìn đồng)			
1	Huy hiệu 70 năm tuổi Đảng	8,0 lần mức lương cơ sở	Hỗ trợ thêm 1,5 lần mức lương cơ sở	
2	Huy hiệu 75 năm tuổi Đảng	10 lần mức lương cơ sở	Hỗ trợ thêm 4,0 lần mức lương cơ sở	
3	Huy hiệu 80 năm tuổi Đảng	15 lần mức lương cơ sở	Hỗ trợ thêm 4,0 lần mức lương cơ sở	
4	Huy hiệu 85 năm tuổi Đảng	20 lần mức lương cơ sở	Hỗ trợ thêm 3,5 lần mức lương cơ sở	
5	Huy hiệu 90 năm tuổi Đảng	25 lần mức lương cơ sở	Hỗ trợ thêm 3,0 lần mức lương cơ sở	

Trường hợp một cán bộ thuộc nhiều nhóm đối tượng thì chỉ được hưởng một chế độ cao nhất.



**II. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN:** Ngân sách Thành phố đảm bảo theo phân cấp và quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật./.

**Phụ lục 02**  
**QUY ĐỊNH MỘT SỐ CHẾ ĐỘ CHI TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC**  
**ĐẢNG ỦY KHỐI TRỰC THUỘC THÀNH ỦY, ĐẢNG ỦY KHU**  
**CÔNG NGHIỆP VÀ CHẾ XUẤT HÀ NỘI, CÁC QUẬN ỦY, HUYỆN ỦY,**  
**THỊ ỦY VÀ CÁC ĐẢNG ỦY XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN THUỘC**  
**ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ- HĐND ngày tháng năm 2022  
của Hội đồng nhân dân Thành phố)

**I. QUY ĐỊNH MỘT SỐ CHẾ ĐỘ CHI TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC**  
**ĐẢNG ỦY KHỐI TRỰC THUỘC THÀNH ỦY, ĐẢNG ỦY KHU CÔNG**  
**NGHIỆP VÀ CHẾ XUẤT HÀ NỘI, CÁC QUẬN ỦY, HUYỆN ỦY, THỊ ỦY**  
**VÀ CÁC ĐẢNG ỦY XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN THUỘC ĐẢNG BỘ**  
**THÀNH PHỐ HÀ NỘI.**

TT	Nội dung	Chế độ chi cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố
<b>I</b>	<b>Chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của các đảng ủy Khối trực thuộc Thành ủy; Đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội; các quận ủy, huyện ủy, thị ủy trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội</b>		
1	Chế độ chi xây dựng, thẩm định các văn bản trình cấp ủy, Ban Thường vụ cấp ủy gồm nghị quyết, quy chế, quy định, đề án (Nội dung chi bao gồm: chi xây dựng kế hoạch, đề cương sơ bộ, đề cương chi tiết và biên tập, chỉnh sửa đến hoàn chỉnh văn bản; soạn thảo báo cáo giải trình (nếu có), tờ trình và văn bản chỉ đạo; chi họp, hội thảo (chế độ chi thực hiện theo quy định hiện hành); chi bồi dưỡng các bộ phận văn thư, đánh máy, in ấn, nhân sao, phát hành tài liệu, bồi dưỡng cho công tác lập dự toán và quyết toán kinh phí)		
a	Chi xây dựng văn bản		
-	Đối với văn bản mới:		
	Văn bản do cấp ủy quyết định ban hành	Tối đa 15.000.000 đồng/ văn bản	
	Văn bản do Ban Thường vụ cấp ủy quyết định ban hành	Tối đa 10.000.000 đồng/ văn bản	
-	Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung	Tuỳ theo nội dung, phạm vi sửa đổi, tổng mức kinh phí tối đa bằng 50% văn bản mới	
b	Chi cho công tác thẩm định văn bản		
-	Văn bản trình cấp ủy	Tối đa 2.500.000 đồng/ văn bản	

<sup>1</sup> Quy định số 09-QĐ/VPTW ngày 22/9/2017 của Văn phòng Trung ương Đảng quy định một số chế độ chi tiêu hoạt động của các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương



TT	Nội dung	Chế độ chi cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố
-	Văn bản trình Ban Thường vụ cấp ủy	Tối đa 1.500.000 đồng/ văn bản	
2	Chế độ chi xây dựng một số văn bản khác trình cấp ủy, Ban Thường vụ cấp ủy		
-	Xây dựng chương trình làm việc toàn khoá của cấp ủy	Tối đa 10.000.000 đồng/chương trình	
-	Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát toàn khoá của cấp ủy	Tối đa 5.000.000 đồng/chương trình	
-	Xây dựng chương trình làm việc năm của cấp ủy	Tối đa 2.500.000 đồng/chương trình.	
-	Soạn thảo chi thị; chương trình hành động, kế hoạch thực hiện nghị quyết (không xây dựng đề án) của cấp ủy	Tối đa 1.500.000 đồng/văn bản	
-	Xây dựng báo cáo định kỳ năm của cấp ủy	Tối đa 5.000.000 đồng/báo cáo	
-	Xây dựng báo cáo khác: Báo cáo sơ kết, tổng kết chuyên đề thực hiện các chi thị, nghị quyết của Trung ương, Thành uỷ; Báo cáo công tác kiểm tra, giám sát năm của cấp ủy; Báo cáo công tác tài chính đảng hàng năm và nhiệm kỳ trình cấp ủy	Tối đa 3.000.000 đồng/báo cáo	
3	Chế độ chi cho các đoàn kiểm tra, giám sát được thành lập theo quyết định của Ban Thường vụ cấp ủy (không bao gồm các đoàn theo chương trình công tác năm của cấp ủy) (Nội dung chi bao gồm: Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát bao gồm: Kế hoạch, đề cương kiểm tra, giám sát; Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát; thông báo kết luận kiểm tra, giám sát; Chi họp đoàn kiểm tra, giám sát).	Tối đa 4.000.000 đồng/ đoàn kiểm tra, giám sát	
4	Chế độ chi hội nghị	Thực hiện theo quy định tại Phụ lục 03 Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của Hội đồng Nhân dân Thành phố Hà Nội quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị của Thành phố Hà Nội	
	Đối với chi hỗ trợ tiền ăn của đại biểu và khách mời một số hội nghị được quy định như sau:		
-	Hội nghị cấp ủy, hội nghị do Ban Thường vụ cấp ủy triệu tập và chủ trì (không bao	Tối đa 150.000 đồng/người/ngày	Hỗ trợ thêm 50.000 đồng/người/ngày

TT	Nội dung	Chế độ chi cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố
	gồm hội nghị thường kỳ của Ban Thường vụ)		
-	Hội nghị tổng kết năm của cấp ủy được chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu, khách mời trong thời gian hội nghị	Tối đa 100.000 đồng/người/ngày	Hỗ trợ thêm 50.000 đồng/người/ngày
5	Chế độ chi tiếp công dân	Thực hiện theo quy định của Thông tư số 320/2016/TT-BTC, ngày 14/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	
6	Một số chế độ khác		
a	Chế độ trang phục		
-	Chế độ hỗ trợ tiền may trang phục mỗi nhiệm kỳ đại hội Đảng đối với các đồng chí ủy viên Ban Thường vụ, ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội <sup>2</sup>	3.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ	
-	Chế độ hỗ trợ tiền may trang phục mỗi nhiệm kỳ đại hội Đảng đối với các đồng chí ủy viên Ban Thường vụ, ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ các khu công nghiệp và chế xuất và Đảng bộ các quận, huyện, thị xã trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội <sup>2</sup>	Tối đa 1.500.000 đồng/người/nhiệm kỳ	Hỗ trợ thêm 1.500.000 đồng/người/nhiệm kỳ
-	Chế độ hỗ trợ tiền may trang phục mỗi năm cán bộ, công chức, người lao động làm việc tại các đảng ủy Khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội <sup>3</sup>	500.000 đồng/người	
-	Chế độ hỗ trợ tiền may trang phục mỗi năm cán bộ, công chức, người lao động làm việc tại các đảng ủy Khối trực thuộc Thành ủy, Đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất và các quận, huyện, thị ủy trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội <sup>3</sup>	Tối đa 250.000 đồng/người/năm	Hỗ trợ thêm 250.000 đồng/người/năm
b	Chế độ bồi dưỡng phục vụ hoạt động cấp ủy hàng tháng		
-	Đối với cán bộ, công chức, người lao động theo hình thức hợp đồng lao động không xác định thời hạn làm việc tại các đảng ủy Khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội	Tối đa 0,3 mức lương cơ sở/người/tháng	

<sup>2</sup> Riêng các đồng chí là Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội hoặc là đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố thực hiện theo chế độ của Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố.

<sup>3</sup> không áp dụng quy định này: Cán bộ làm công tác cơ yếu, các đồng chí được hưởng chế độ trang phục nêu trên



TT	Nội dung	Chế độ chi cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố
-	Đối với cán bộ, công chức, người lao động theo hình thức hợp đồng lao động không xác định thời hạn làm việc tại Đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất và các quận, huyện, thị ủy thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội	Tối đa 0,15 mức lương cơ sở/người/tháng	Hỗ trợ thêm 0,15 mức lương cơ sở/người/tháng
c	Chế độ bồi dưỡng hàng tháng đối với cán bộ, công chức làm công tác văn thư		
-	Tại các đảng ủy Khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội	0,1 mức lương cơ sở/người/tháng	
-	Tại Đảng ủy các khu công nghiệp, chế xuất và các quận, huyện, thị ủy của thành phố Hà Nội	Tối đa 0,05 mức lương cơ sở/người/tháng	Hỗ trợ thêm 0,05 mức lương cơ sở/người/tháng
d	Chế độ tặng quà lưu niệm		
-	Cán bộ, công chức và người lao động làm việc tại các đảng ủy Khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội khi nghỉ hưu.	Tối đa 1.000.000 đồng/người	
-	Cán bộ, công chức và người lao động làm việc tại Đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất và các quận, huyện, thị ủy thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội khi nghỉ hưu.	Tối đa 500.000 đồng/người	Hỗ trợ thêm 500.000 đồng/người
-	Cán bộ, công chức và người lao động làm việc tại các đảng ủy Khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội khi chuyển công tác đến các cơ quan, đơn vị không thuộc các cơ quan, đơn vị của Đảng	Tối đa 500.000 đồng/người	
-	Cán bộ, công chức và người lao động làm việc tại Đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất và các quận, huyện, thị ủy thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội khi chuyển công tác đến các cơ quan, đơn vị không thuộc các cơ quan, đơn vị của Đảng	Tối đa 250.000 đồng/người	Hỗ trợ thêm 250.000 đồng/người
<b>II</b>	<b>Chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của các đảng ủy xã, phường, thị trấn trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội</b>		
1	Chế độ chi xây dựng, thẩm định đề án trình cấp ủy <sup>4</sup>		
a	Chi xây dựng đề án do cấp ủy quyết định ban hành		Tối đa 10.000.000 đồng/đề án
b	Chi cho công tác thẩm định đề án (nếu có)		Tối đa 1.000.000 đồng/đề án
2	Chi xây dựng một số văn bản khác trình cấp ủy <sup>5</sup>		
a	Chương trình làm việc toàn khoá của cấp ủy, chương trình kiểm tra, giám sát toàn khoá của cấp ủy, chương trình làm việc năm của cấp ủy.		Tối đa 500.000 đồng/văn bản

<sup>4</sup> Mức chi cụ thể đối với từng văn bản do Thường trực cấp ủy quyết định.

<sup>5</sup> Mức chi cụ thể đối với từng văn bản do Thường trực cấp ủy quyết định.

TT	Nội dung	Chế độ chi cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố
	Chi soạn thảo chương trình hành động, kế hoạch thực hiện nghị quyết (không xây dựng đề án) của cấp ủy		
b	Báo cáo định kỳ năm của cấp ủy		Tối đa 2.000.000 đồng/báo cáo
c	Các báo cáo khác: báo cáo sơ kết, tổng kết chuyên đề thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Thành ủy; quận, huyện, thị ủy; báo cáo công tác kiểm tra, giám sát năm của cấp ủy, báo cáo công tác tài chính đảng hàng năm và nhiệm kỳ trình Ban Thường vụ		Tối đa 500.000 đồng/báo cáo
3	Chi cho các đoàn kiểm tra, giám sát được thành lập theo quyết định của cấp ủy (không bao gồm các đoàn theo chương trình công tác năm) (bao gồm các nội dung chi: xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát bao gồm: kế hoạch, đề cương kiểm tra, giám sát; báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát; thông báo kết luận kiểm tra, giám sát; chi họp đoàn kiểm tra, giám sát) <sup>6</sup>		Tối đa 2.000.000 đồng/đoàn kiểm tra, giám sát
4	Chi hội nghị		
	Chế độ chi hội nghị	Thực hiện theo quy định tại Phụ lục 03 Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của Hội đồng Nhân dân Thành phố Hà Nội quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị của Thành phố Hà Nội	
	Đối với chi hỗ trợ tiền ăn của đại biểu và khách mời trong thời gian một số hội nghị được quy định như sau:		
-	Hội nghị do cấp ủy triệu tập và chủ trì		150.000 đồng/người/ngày
-	Hội nghị tổng kết năm của cấp ủy		100.000 đồng/người/ngày
5	<i>Chi tiếp công dân</i>	Thực hiện theo quy định của Thông tư số 320/2016/TT-BTC, ngày 14/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	
6	<i>Chế độ khác</i>		

<sup>6</sup> Mức chi cụ thể do trường đoàn kiểm tra, giám sát quyết định.



TT	Nội dung	Chế độ chi cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố
a	Chế độ trang phục <sup>7</sup>		
	Bí thư, Phó Bí thư thường trực		2.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ
	Cán bộ thường trực Văn phòng Đảng ủy		400.000 đồng/người/năm
b	Chế độ bồi dưỡng phục vụ hoạt động cấp ủy đối với đồng chí Bí thư, Phó Bí thư thường trực và 01 cán bộ thường trực văn phòng Đảng ủy		0,3 lần mức lương cơ sở/người/tháng
c	Chế độ tặng quà lưu niệm		
-	Cán bộ, công chức và người lao động làm việc tại Đảng ủy xã, phường, thị trấn khi nghỉ hưu.		500.000 đồng
-	Cán bộ, công chức và người lao động làm việc tại Đảng ủy xã, phường, thị trấn khi chuyển công tác đến các cơ quan, đơn vị không thuộc các cơ quan, đơn vị của Đảng		1.000.000 đồng

**II. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN:** Ngân sách Thành phố đảm bảo theo phân cấp và quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

<sup>7</sup> Riêng các đồng chí là Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ quận, huyện, thị xã hoặc là đại biểu Hội đồng nhân dân quận, huyện, thị xã thực hiện theo chế độ của Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ quận, huyện, thị xã hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân quận, huyện, thị xã.

### Phụ lục 03

## QUY ĐỊNH MỘT SỐ CHẾ ĐỘ ĐỊNH MỨC CHI HỖ TRỢ TỔ CHỨC ĐẢNG, CÁC TỔ CHỨC ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NGOÀI KHU VỰC NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ- HĐND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

### I. QUY ĐỊNH MỘT SỐ CHẾ ĐỘ ĐỊNH MỨC CHI HỖ TRỢ TỔ CHỨC ĐẢNG, CÁC TỔ CHỨC ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NGOÀI KHU VỰC NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TT	Nội dung	Chế độ chi cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố
<b>I</b>	<b>Chế độ, định mức chi hỗ trợ tổ chức Đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước</b>		
1	Chi hỗ trợ thành lập mới áp dụng cho các đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy; Đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội; các quận, huyện, thị ủy trực thuộc Thành ủy Hà Nội. Nội dung chi bao gồm: Hỗ trợ khảo sát tình hình thực tế tại đơn vị, hỗ trợ đi lại của cán bộ; tuyên truyền, vận động, tổ chức thành lập; hỗ trợ cho các tổ chức đảng mới thành lập,... nhằm phát triển được tổ chức đảng mới trong doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước <sup>2</sup>		20.000.000 đồng/1 tổ chức đảng thành lập mới
2	Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động (Nội dung chi: hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên của tổ chức cơ sở đảng (văn phòng phẩm, thông tin, tuyên truyền, chi hội nghị, chi công tác xây dựng Đảng và các chi phí đảng vụ khác,...) <sup>3</sup> . Định mức chi như sau <sup>4</sup> :		
a	Đối với các tổ chức cơ sở đảng (chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở) trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước		
-	Chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở có 30 đảng viên trở xuống		15.000.000 đồng/chi bộ/năm

<sup>1</sup> Quy định số 169-QĐ/TW ngày 24/6/2008 của Ban Chấp hành Trung ương về chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp.

<sup>2</sup> Thường trực cấp ủy quyết định mức chi cụ thể cho các nội dung công việc, với tổng số chi hỗ trợ không vượt quá định mức nêu trên.

<sup>3</sup> Riêng khoản chi mua báo, tạp chí, tài liệu; chi khen thưởng; chi tổ chức đại hội đảng được thực hiện theo quy định, hướng dẫn chung của Trung ương Đảng)

<sup>4</sup> Kinh phí hỗ trợ chi phí hoạt động và hỗ trợ cho cán bộ làm công tác đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước được ngân sách Thành phố bảo đảm theo nguyên tắc ngân sách cấp phần chênh lệch giữa dự toán chi được xác định theo định mức chi nêu trên với các nguồn thu theo quy định của Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam và các quy định khác của Trung ương Đảng theo quy định tại Điều 9, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ và Điều 4, Thông tư số 1539/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính.



TT	Nội dung	Chế độ chi cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố
-	Từ đảng viên thứ 31 đến đảng viên thứ 100		600.000 đồng/đảng viên/năm
-	Từ đảng viên thứ 101 đến đảng viên thứ 200		500.000 đồng/đảng viên/năm
-	Từ đảng viên thứ 201 đến đảng viên thứ 300		300.000 đồng/đảng viên/năm
-	Từ đảng viên thứ 301 trở lên		150.000 đồng/đảng viên/năm
-	Đối với các chi bộ trực thuộc đảng bộ xã, phường, thị trấn và tương đương		8.000.000 đồng/chi bộ/năm
3	Chi hỗ trợ cho cán bộ làm công tác đảng tại các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước <sup>4</sup>		
-	Ủy viên ban chấp hành đảng bộ, chi bộ cơ sở tương đương cấp xã	0,3 mức lương cơ sở/người/tháng	
-	Ủy viên ban chấp hành chi bộ trực thuộc đảng bộ xã, phường, thị trấn và tương đương		300.000 đồng/người/tháng
<b>II</b>	<b>Chế độ, định mức chi hỗ trợ tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước</b>		
1	Chi hỗ trợ thành lập mới tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội áp dụng: tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội liên hiệp thanh niên, Hội liên hiệp phụ nữ Nội dung chi: hỗ trợ khảo sát tình hình thực tế tại đơn vị, hỗ trợ đi lại của cán bộ; tuyên truyền, vận động; tổ chức thành lập; hỗ trợ tổ chức lễ ra mắt, hỗ trợ cho tổ chức đoàn thể mới thành lập... <sup>5</sup>		7.000.000 đồng/1 tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội mới thành lập
2	Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động của các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội		
a	Đối với tổ chức Đoàn Thanh niên – Hội liên hiệp thanh niên trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước tương đương cấp huyện trực thuộc Thành đoàn – Hội liên hiệp thanh niên thành phố Hà Nội		
-	Tổ chức Đoàn trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước (tương đương tổ chức đoàn cấp huyện)		50.000.000 đồng/đơn vị/năm
-	Hội Liên hiệp thanh niên trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước (tương đương tổ chức hội cấp huyện)		20.000.000 đồng/đơn vị/năm
b	Tổ chức Đoàn Thanh niên – Hội liên hiệp thanh niên trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước tương đương cấp xã trực thuộc Đoàn Thanh niên – Hội Liên hiệp thanh niên quận, huyện, thị xã		

<sup>5</sup> Lãnh đạo các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội quyết định mức chi cụ thể cho các nội dung công việc, với tổng số chi không quá định mức nêu trên.

TT	Nội dung	Chế độ chi cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố
-	Tổ chức Đoàn thanh niên trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước (tương đương tổ chức Đoàn cấp xã)		10.000.000 đồng/đơn vị/năm
-	Hội liên hiệp thanh niên trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước (tương đương tổ chức Hội cấp xã)		5.000.000 đồng/đơn vị/năm
c	Tổ chức Hội phụ nữ trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước cấp cơ sở tương đương cấp xã		10.000.000 đồng/đơn vị/năm
3	Chi hỗ trợ cán bộ làm công tác đoàn thể trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước		
a	Đối với tổ chức Đoàn thanh niên trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước tương đương cấp huyện, trực thuộc Thành đoàn Hà Nội		
-	Bí thư Đoàn thanh niên (tương đương cấp huyện)		600.000 đồng/người/tháng
-	Phó Bí thư Đoàn thanh niên (tương đương cấp huyện)		400.000 đồng/người/tháng
b	Đối với tổ chức Đoàn thanh niên trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước tương đương cấp xã		
-	Bí thư Đoàn cơ sở		250.000 đồng/người/tháng
-	Phó Bí thư Đoàn cơ sở		150.000 đồng/người/tháng
c	Đối với tổ chức Hội phụ nữ cấp cơ sở tương đương cấp xã		
-	Chủ tịch Hội phụ nữ		250.000 đồng/người/tháng
-	Phó Chủ tịch Hội phụ nữ		150.000 đồng/người/tháng
d	Đối với tổ chức Đoàn thanh niên trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước tương đương cấp huyện, trực thuộc Thành đoàn Hà Nội		<p>Chế độ phụ cấp cán bộ Công đoàn cơ sở tại các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước thực hiện theo quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.</p> <p>Trường hợp tổ chức Công đoàn tại các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước gặp khó khăn về kinh phí, không thể chi phụ cấp kiêm nhiệm đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Công đoàn, thì được ngân sách Thành phố hỗ trợ kinh phí chi phụ cấp kiêm nhiệm cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch Công đoàn cơ sở, với mức chi bằng 50% mức phụ cấp theo quy định của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam.</p>



**II. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN:** Ngân sách Thành phố đảm bảo theo phân cấp và quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật./.

**PHỤ LỤC 01**

**MỘT SỐ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁC ĐỐI TƯỢNG THUỘC DIỆN BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY QUẢN LÝ, CÁN BỘ LÃO THÀNH CÁCH MẠNG, TIỀN KHỞI NGHĨA ĐANG CƯ TRÚ VÀ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG CHÍNH SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ**

*(Kèm theo Tờ trình số 280 -TTr-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của UBND thành phố Hà Nội)*

TT	Đối tượng	Quy định tại các Quyết định 2616-QĐ/TU, 2617-QĐ/TU, 3967-QĐ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy	Đề xuất của Ban Tổ chức Thành ủy	Đề xuất của UBND Thành phố		Ghi chú
				Chế độ cấp có thẩm quyền quy định	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	
<b>I</b>	<b>Quy định nội dung chi và mức chi thực hiện chế độ nghỉ điều dưỡng, chế độ thăm hỏi ốm đau khi điều trị tại các cơ sở y tế, chế độ hỗ trợ chi phí tổ chức lễ tang và xây mộ, chế độ phúng viếng</b>					
<b>1</b>	<b>Điều dưỡng tập trung</b>					
a	Các đồng chí Bí thư, Phó bí thư Thành ủy; Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND Thành phố (nghỉ hưu)	01 lần/năm (07 ngày)	01 lần/năm (07 ngày)		01 lần/năm (07 ngày)	
b	Các đồng chí Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy; Phó chủ tịch HĐND, Phó chủ tịch UBND Thành phố; Trợ lý của đồng chí Bí thư Thành ủy; Phó trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách Thành phố Hà Nội (nghỉ hưu)	01 lần/năm (07 ngày)	01 lần/năm (07 ngày)		01 lần/năm (07 ngày)	
c	Các đồng chí là Trưởng ban đảng, cơ quan trực thuộc Thành ủy; Thư ký của đồng chí Bí thư Thành ủy; Thành ủy viên; Giám đốc sở, trưởng cơ quan, ban ngành, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố và tương đương (bao gồm cả các đơn vị sự nghiệp, đơn vị hiệp quản); Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố; Bí thư đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy; Bí thư quận, huyện, thị ủy; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tổng công ty trực thuộc Thành phố (nghỉ hưu)	01 lần/năm (05 ngày)	01 lần/năm (05 ngày)		01 lần/năm (05 ngày)	
d	Các đồng chí là Phó trưởng ban đảng, cơ quan trực thuộc Thành ủy; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố; Thư ký của các đồng chí Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND Thành phố; Phó giám đốc sở, phó trưởng các cơ quan, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố và tương đương (bao gồm cả các đơn vị sự nghiệp, đơn vị hiệp quản); Phó Bí thư đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy; Phó Bí thư quận, huyện, thị ủy; Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; Ủy viên ủy ban kiểm tra Thành ủy; Cấp trưởng các Hội nghề nghiệp Thành phố; Phó tổng giám đốc Tổng công ty trực thuộc Thành phố (nghỉ hưu).	01 lần/năm (05 ngày)	01 lần/năm (05 ngày)		01 lần/năm (05 ngày)	



TT	Đối tượng	Quy định tại các Quyết định 2616-QĐ/TU, 2617-QĐ/TU, 3967-QĐ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy	Đề xuất của Ban Tổ chức Thành ủy	Đề xuất của UBND Thành phố		Ghi chú
				Chế độ cấp có thẩm quyền quy định	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	
d	Các đồng chí Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội và các trường cao đẳng thuộc Thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy; Ủy viên Ban Thường vụ quận, huyện, thị ủy; Phó chủ tịch HĐND, Phó chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã và các đối tượng còn lại diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý (nghỉ hưu)	01 lần/năm (05 ngày)	01 lần/năm (05 ngày)		01 lần/năm (05 ngày)	
e	Cán bộ Lão thành cách mạng đang cư trú và hưởng chế độ trợ cấp tại các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội	01 lần/năm (07 ngày)	01 lần/năm (07 ngày)		01 lần/năm (07 ngày)	
g	Cán bộ Tiền khởi nghĩa đang cư trú và hưởng chế độ trợ cấp tại các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội	01 lần/năm (05 ngày)	01 lần/năm (05 ngày)		01 lần/năm (05 ngày)	
2	<b>Điều dưỡng tại nhà</b>					
a	Các đồng chí Bí thư, Phó bí thư Thành ủy; Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND Thành phố (cán bộ đương chức và cán bộ nghỉ hưu không đi điều dưỡng tập trung)	2,5 lần mức lương cơ sở (3,7 triệu đồng)	3 lần mức lương cơ sở (4,5 triệu đồng)		5.000.000 đồng/năm	
b	Các đồng chí Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy; Phó chủ tịch HĐND, Phó chủ tịch UBND Thành phố; Trợ lý của đồng chí Bí thư Thành ủy; Phó trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách Thành phố Hà Nội (cán bộ đương chức và cán bộ nghỉ hưu không đi điều dưỡng tập trung)	2,5 lần mức lương cơ sở (3,7 triệu đồng)	2,5 lần mức lương cơ sở (3,7 triệu đồng)		4.000.000 đồng/năm	
c	Các đồng chí là Trưởng ban đảng, cơ quan trực thuộc Thành ủy; Thư ký của đồng chí Bí thư Thành ủy; Thành ủy viên; Giám đốc sở, trường cơ quan, ban ngành, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố và tương đương (bao gồm cả các đơn vị sự nghiệp, đơn vị hiệp quân); Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố; Bí thư đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy; Bí thư quận, huyện, thị ủy; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tổng công ty trực thuộc Thành phố (cán bộ đương chức và cán bộ nghỉ hưu không đi điều dưỡng tập trung)	1,5 lần mức lương cơ sở (2,3 triệu đồng)	2 lần mức lương cơ sở (3 triệu đồng)		3.000.000 đồng/năm	

TT	Đối tượng	Quy định tại các Quyết định 2616-QĐ/TU, 2617-QĐ/TU, 3967-QĐ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy	Đề xuất của Ban Tổ chức Thành ủy	Đề xuất của UBND Thành phố		Ghi chú
				Chế độ cấp có thẩm quyền quy định	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	
d	Các đồng chí là Phó trưởng ban đảng, cơ quan trực thuộc Thành ủy; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố; Thư ký của các đồng chí Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND Thành phố; Phó giám đốc sở, phó trưởng các cơ quan, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố và tương đương (bao gồm cả các đơn vị sự nghiệp, đơn vị hiệp quân); Phó Bí thư đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy; Phó Bí thư quận, huyện, thị ủy; Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; Ủy viên ủy ban kiểm tra Thành ủy; Cấp trưởng các Hội nghề nghiệp Thành phố; Phó tổng giám đốc Tổng công ty trực thuộc Thành phố (cán bộ đương chức và cán bộ nghỉ hưu không đi điều dưỡng tập trung)	1,5 lần mức lương cơ sở (2,3 triệu đồng)	1,5 lần mức lương cơ sở (2,3 triệu đồng)		2.500.000 đồng/năm	
đ	Các đồng chí Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội và các trường cao đẳng thuộc Thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy; Ủy viên Ban Thường vụ quận, huyện, thị ủy; Phó chủ tịch HĐND, Phó chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã và các đối tượng còn lại diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý (cán bộ đương chức và cán bộ nghỉ hưu không đi điều dưỡng tập trung)	1 lần mức lương cơ sở (1,5 triệu đồng)	1 lần mức lương cơ sở (1,5 triệu đồng)		1.500.000 đồng/năm	
e	Cán bộ Lão thành cách mạng đang cư trú và hưởng chế độ trợ cấp tại các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội (không đi điều dưỡng tập trung)	2,5 lần mức lương cơ sở (3,7 triệu đồng)	2,5 lần mức lương cơ sở (3,7 triệu đồng)		4.000.000 đồng/năm	
g	Cán bộ Tiên khởi nghĩa đang cư trú và hưởng chế độ trợ cấp tại các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội (không đi điều dưỡng tập trung)	1,5 lần mức lương cơ sở (2,3 triệu đồng)	1,5 lần mức lương cơ sở (2,3 triệu đồng)		2.500.000 đồng/năm	
3	<b>Chế độ thăm hỏi ốm đau khi điều trị tại các cơ sở y tế</b>					
a	Các đồng chí Bí thư, Phó bí thư Thành ủy; Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND Thành phố ( đương chức và nghỉ hưu)	Quà 300.000 đồng + tiền mặt 1,5 lần mức lương cơ sở (2,5 triệu đồng)	+ Quà thăm 0,3 lần mức lương cơ sở (500.000 đồng) + tiền mặt 3 lần mức lương cơ sở (4,5 triệu đồng) Tổng 5 triệu đồng	Tối đa 2.000.000 đồng/người/lần	Hỗ trợ thêm quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 2.500.000 đồng/người/lần	



TT	Đối tượng	Quy định tại các Quyết định 2616-QĐ/TU, 2617-QĐ/TU, 3967-QĐ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy	Đề xuất của Ban Tổ chức Thành ủy	Đề xuất của UBND Thành phố		Ghi chú
				Chế độ cấp có thẩm quyền quy định	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	
b	Các đồng chí Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy; Phó chủ tịch HĐND, Phó chủ tịch UBND Thành phố; Trợ lý của đồng chí Bí thư Thành ủy; Phó trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách Thành phố Hà Nội (đương chức và nghỉ hưu)					
-	Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội	Quà 300.000 đồng + tiền mặt 1,5 lần mức lương cơ sở (2,5 triệu đồng)	+ Quà thăm 0,3 lần mức lương cơ sở (500.000 đồng) + tiền mặt 2,5 lần mức lương cơ sở (3,7 triệu đồng). Tổng 4,2 triệu đồng	Tối đa 2.000.000 đồng/người/lần	Hỗ trợ thêm quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 2.000.000 đồng/người/lần	
-	Cán bộ giữ chức danh tại điểm b nêu trên (trừ Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội)	Quà 300.000 đồng + tiền mặt 1,5 lần mức lương cơ sở (2,5 triệu đồng)	+ Quà thăm 0,3 lần mức lương cơ sở (500.000 đồng) + tiền mặt 2,5 lần mức lương cơ sở (3,7 triệu đồng). Tổng 4,2 triệu đồng		Quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 4.000.000 đồng/người/lần	
c	Các đồng chí là Trưởng ban đảng, cơ quan trực thuộc Thành ủy; Thư ký của đồng chí Bí thư Thành ủy; Thành ủy viên; Giám đốc sở, trường cơ quan, ban ngành, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố và tương đương (bao gồm cả các đơn vị sự nghiệp, đơn vị hiệp quân); Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố; Bí thư đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy; Bí thư quận, huyện, thị ủy; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tổng công ty trực thuộc Thành phố (đương chức và nghỉ hưu)					
-	Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội	Quà 300.000 đồng + tiền mặt 1 lần mức lương cơ sở (1,5 triệu đồng) Tổng 1,8 triệu đồng	+ Quà thăm 0,3 lần mức lương cơ sở (500.000 đồng) + tiền mặt 2 lần mức lương cơ sở (3 triệu đồng) Tổng 3,5 triệu đồng	Tối đa 2.000.000 đồng/người/lần	Hỗ trợ thêm quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 1.000.000 đồng/người/lần	
-	Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội	Quà 300.000 đồng + tiền mặt 1 lần mức lương cơ sở (1,5 triệu đồng) Tổng 1,8 triệu đồng	+ Quà thăm 0,3 lần mức lương cơ sở (500.000 đồng) + tiền mặt 2 lần mức lương cơ sở (3 triệu đồng) Tổng 3,5 triệu đồng	Tối đa 2.000.000 đồng/người/lần	Hỗ trợ thêm quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 1.000.000 đồng/người/lần	

TT	Đối tượng	Quy định tại các Quyết định 2616-QĐ/TU, 2617-QĐ/TU, 3967-QĐ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy	Đề xuất của Ban Tổ chức Thành ủy	Đề xuất của UBND Thành phố		Ghi chú
				Chế độ cấp có thẩm quyền quy định	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	
-	Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành quận, huyện, thị ủy và Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội	Quà 300.000 đồng + tiền mặt 1 lần mức lương cơ sở (1,5 triệu đồng) Tổng 1,8 triệu đồng	+ Quà thăm 0,3 lần mức lương cơ sở (500.000 đồng) + tiền mặt 2 lần mức lương cơ sở (3 triệu đồng) Tổng 3,5 triệu đồng	Tối đa 1.000.000 đồng/người/lần	Hỗ trợ thêm quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 2.000.000 đồng/người/lần	
-	Cán bộ giữ chức danh tại điểm c nêu trên (trừ Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội; Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối, quận, huyện, thị ủy, Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội)	Quà 300.000 đồng + tiền mặt 1 lần mức lương cơ sở (1,5 triệu đồng) Tổng 1,8 triệu đồng	+ Quà thăm 0,3 lần mức lương cơ sở (500.000 đồng) + tiền mặt 2 lần mức lương cơ sở (3 triệu đồng) Tổng 3,5 triệu đồng		Quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 3.000.000 đồng/người/lần	
d	Các đồng chí là Phó trưởng ban đảng, cơ quan trực thuộc Thành ủy; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố; Thư ký của các đồng chí Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND Thành phố; Phó giám đốc sở, phó trưởng các cơ quan, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố và tương đương (bao gồm cả các đơn vị sự nghiệp, đơn vị hiệp quản); Phó Bí thư đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy; Phó Bí thư quận, huyện, thị ủy; Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; Ủy viên ủy ban kiểm tra Thành ủy; Cấp trưởng các Hội nghề nghiệp Thành phố; Phó tổng giám đốc Tổng công ty trực thuộc Thành phố (đương chức và nghỉ hưu).					
-	Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội	Quà 300.000 đồng + tiền mặt 0,8 lần mức lương cơ sở (1,2 triệu đồng) Tổng 1,5 triệu đồng	+ Quà thăm 0,3 lần mức lương cơ sở (500.000 đồng) + tiền mặt 1,5 lần mức lương cơ sở (2,3 triệu đồng) Tổng 2,8 triệu đồng	Tối đa 2.000.000 đồng/người/lần	Hỗ trợ thêm quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 500.000 đồng/người/lần	
-	Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy	Quà 300.000 đồng + tiền mặt 0,8 lần mức lương cơ sở (1,2 triệu đồng) Tổng 1,5 triệu đồng	+ Quà thăm 0,3 lần mức lương cơ sở (500.000 đồng) + tiền mặt 1,5 lần mức lương cơ sở (2,3 triệu đồng) Tổng 2,8 triệu đồng	Tối đa 2.000.000 đồng/người/lần	Hỗ trợ thêm quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 500.000 đồng/người/lần	



TT	Đối tượng	Quy định tại các Quyết định 2616-QĐ/TU, 2617-QĐ/TU, 3967-QĐ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy	Đề xuất của Ban Tổ chức Thành ủy	Đề xuất của UBND Thành phố		Ghi chú
				Chế độ cấp có thẩm quyền quy định	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	
-	Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành quận, huyện, thị ủy và Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội	Quà 300.000 đồng + tiền mặt 0,8 lần mức lương cơ sở (1,2 triệu đồng) Tổng 1,5 triệu đồng	+ Quà thăm 0,3 lần mức lương cơ sở (500.000 đồng) + tiền mặt 1,5 lần mức lương cơ sở (2,3 triệu đồng) Tổng 2,8 triệu đồng	Tối đa 1.000.000 đồng/người/lần	Hỗ trợ thêm quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 1.500.000 đồng/người/lần	
-	Cán bộ giữ chức danh tại điểm d nêu trên (trừ Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối, quận, huyện, thị ủy, Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội)	Quà 300.000 đồng + tiền mặt 0,8 lần mức lương cơ sở (1,2 triệu đồng) Tổng 1,5 triệu đồng	+ Quà thăm 0,3 lần mức lương cơ sở (500.000 đồng) + tiền mặt 1,5 lần mức lương cơ sở (2,3 triệu đồng) Tổng 2,8 triệu đồng		Quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 2.500.000 đồng/người/lần	
đ	Các đồng chí Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội và các trường cao đẳng thuộc Thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ đảng uỷ cấp trên cơ sở trực thuộc Thành uỷ; Ủy viên Ban Thường vụ quận, huyện, thị ủy; Phó chủ tịch HĐND, Phó chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã và các đối tượng còn lại diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý (đương chức và nghỉ hưu)					
-	Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội	Quà 300.000 đồng + tiền mặt 0,8 lần mức lương cơ sở (1,2 triệu đồng) Tổng 1,5 triệu đồng	+ Quà thăm 0,3 lần mức lương cơ sở (500.000 đồng) + tiền mặt 1 lần mức lương cơ sở (1,5 triệu đồng) Tổng 2 triệu đồng	Tối đa 2.000.000 đồng/người/lần	Hỗ trợ thêm quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần	
-	Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành quận, huyện, thị ủy và Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội	Quà 300.000 đồng + tiền mặt 0,8 lần mức lương cơ sở (1,2 triệu đồng) Tổng 1,5 triệu đồng	+ Quà thăm 0,3 lần mức lương cơ sở (500.000 đồng) + tiền mặt 1 lần mức lương cơ sở (1,5 triệu đồng) Tổng 2 triệu đồng	Tối đa 1.000.000 đồng/người/lần	Hỗ trợ thêm quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 1.000.000 đồng/người/lần	
-	Cán bộ giữ chức danh tại điểm đ nêu trên (trừ Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối, quận, huyện, thị ủy, Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội)	Quà 300.000 đồng + tiền mặt 0,8 lần mức lương cơ sở (1,2 triệu đồng) Tổng 1,5 triệu đồng	+ Quà thăm 0,3 lần mức lương cơ sở (500.000 đồng) + tiền mặt 1 lần mức lương cơ sở (1,5 triệu đồng) Tổng 2 triệu đồng		Quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 2.000.000 đồng/người/lần	

TT	Đối tượng	Quy định tại các Quyết định 2616-QĐ/TU, 2617-QĐ/TU, 3967-QĐ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy	Đề xuất của Ban Tổ chức Thành ủy	Đề xuất của UBND Thành phố		Ghi chú
				Chế độ cấp có thẩm quyền quy định	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	
e	Cán bộ Lão thành cách mạng đang cư trú và hưởng chế độ trợ cấp tại các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội	Quà 300.000 đồng + tiền mặt 1 lần mức lương cơ sở (1,5 triệu đồng) Tổng 1,8 triệu đồng	+ Quà thăm 0,3 lần mức lương cơ sở (500.000 đồng) + tiền mặt 2,5 lần mức lương cơ sở (3,7 triệu đồng). Tổng 4,2 triệu đồng		Quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 4.000.000 đồng/người/lần	
g	Cán bộ Tiền khởi nghĩa đang cư trú và hưởng chế độ trợ cấp tại các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội	Quà 300.000 đồng + tiền mặt 0,8 lần mức lương cơ sở (1,2 triệu đồng) Tổng 1,5 triệu đồng	+ Quà thăm 0,3 lần mức lương cơ sở (500.000 đồng) + tiền mặt 1,5 lần mức lương cơ sở (2,3 triệu đồng). Tổng 2,8 triệu đồng		Quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 3.000.000 đồng/người/lần	
i	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng ủy khối, quận ủy, huyện ủy, thị ủy, Đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội (đương chức và nghỉ hưu)					
-	Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội	Tối đa 2 triệu đồng/người đối ĐU khu CN&CX Tối đa 1 triệu đồng/người đối với quận, huyện, thị ủy	0,8 lần mức lương cơ sở (1,2 triệu đồng)	Tối đa 2.000.000 đồng/người/lần	Hỗ trợ thêm quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần	
-	Ủy viên Ban chấp hành quận, huyện, thị ủy và Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội	Tối đa 2 triệu đồng/người đối ĐU khu CN&CX Tối đa 1 triệu đồng/người đối với quận, huyện, thị ủy	0,8 lần mức lương cơ sở (1,2 triệu đồng)	Tối đa 1.000.000 đồng/người/lần	Hỗ trợ thêm quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 1.000.000 đồng/người/lần	
k	Cán bộ, công chức, người lao động (kể cả người đã nghỉ hưu) làm việc tại các Đảng ủy khối, quận ủy, huyện ủy, thị ủy, Đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội					
-	Cán bộ, công chức, người lao động (kể cả người đã nghỉ hưu) làm việc tại các Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội	Tối đa 1 triệu đồng/người	0,4 lần mức lương cơ sở (0,6 triệu đồng)	Tối đa 1.000.000 đồng/người/lần		
-	Cán bộ, công chức, người lao động (kể cả người đã nghỉ hưu) làm việc tại các quận, huyện, thị ủy, đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội	Tối đa 1 triệu đồng/người	0,4 lần mức lương cơ sở (0,6 triệu đồng)	Tối đa 500.000 đồng/người/lần	Hỗ trợ thêm 500.000 đồng/người/lần	
l	Bí thư, phó bí thư Đảng ủy xã, phường, thị trấn (đương chức và nghỉ hưu) thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội	0,6-0,5 triệu đồng/người/lần	0,5 lần mức lương cơ sở (0,8 triệu đồng)		1.000.000 đồng/người/lần	
m	Ủy viên Ban chấp hành (đương chức), cán bộ thường trực văn phòng Đảng ủy của Đảng ủy xã, phường, thị trấn thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội	0,3 triệu đồng người/lần	0,3 lần mức lương cơ sở (0,5 triệu đồng)		500.000 đồng/người/lần	
4	<b>Chế độ hỗ trợ Lễ tang</b>					



TT	Đối tượng	Quy định tại các Quyết định 2616-QĐ/TU, 2617-QĐ/TU, 3967-QĐ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy	Đề xuất của Ban Tổ chức Thành ủy	Đề xuất của UBND Thành phố		Ghi chú
				Chế độ cấp có thẩm quyền quy định	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	
a	Các đồng chí Bí thư, Phó bí thư Thành ủy; Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND Thành phố (đương chức và nghỉ hưu)	Thực hiện Thông tư số 74/2013/TT-BTC, ngày 04/6/2013 của Bộ Tài chính quy định các khoản chi phí và thực hiện việc cấp, quyết toán ngân sách Nhà nước phục vụ Lễ Quốc tang, Lễ tang cấp Nhà nước, Lễ tang cấp cao	Thực hiện Thông tư số 74/2013/TT-BTC, ngày 04/6/2013 của Bộ Tài chính quy định các khoản chi phí và thực hiện việc cấp, quyết toán ngân sách Nhà nước phục vụ Lễ Quốc tang, Lễ tang cấp Nhà nước, Lễ tang cấp cao	Thực hiện Thông tư số 74/2013/TT-BTC, ngày 04/6/2013 của Bộ Tài chính quy định các khoản chi phí và thực hiện việc cấp, quyết toán ngân sách Nhà nước phục vụ Lễ Quốc tang, Lễ tang cấp Nhà nước, Lễ tang cấp cao		
b	Các đồng chí Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy; Phó chủ tịch HĐND, Phó chủ tịch UBND Thành phố; Trợ lý của đồng chí Bí thư Thành ủy; Phó trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách Thành phố Hà Nội (đương chức và nghỉ hưu)	35 triệu đồng	25 lần mức lương cơ sở (37,3 triệu đồng)		40.000.000 đồng	
c	Các đồng chí là Trưởng ban đảng, cơ quan trực thuộc Thành ủy; Thư ký của đồng chí Bí thư Thành ủy; Thành ủy viên; Giám đốc sở, trường cơ quan, ban ngành, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố và tương đương (bao gồm cả các đơn vị sự nghiệp, đơn vị hiệp quản); Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố; Bí thư đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy; Bí thư quận, huyện, thị ủy; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tổng công ty trực thuộc Thành phố (đương chức và nghỉ hưu)	20 triệu đồng	20 lần mức lương cơ sở (29,8 triệu đồng)		30.000.000 đồng	
d	Các đồng chí là Phó trưởng ban đảng, cơ quan trực thuộc Thành ủy; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố; Thư ký của các đồng chí Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND Thành phố; Phó giám đốc sở, phó trưởng các cơ quan, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố và tương đương (bao gồm cả các đơn vị sự nghiệp, đơn vị hiệp quản); Phó Bí thư đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy; Phó Bí thư quận, huyện, thị ủy; Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; Ủy viên ủy ban kiểm tra Thành ủy; Cấp trưởng các Hội nghề nghiệp Thành phố; Phó tổng giám đốc Tổng công ty trực thuộc Thành phố (đương chức và nghỉ hưu)	20 triệu đồng	15 lần mức lương cơ sở (22,4 triệu đồng)		25.000.000 đồng	

TT	Đối tượng	Quy định tại các Quyết định 2616-QĐ/TU, 2617-QĐ/TU, 3967-QĐ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy	Đề xuất của Ban Tổ chức Thành ủy	Đề xuất của UBND Thành phố		Ghi chú
				Chế độ cấp có thẩm quyền quy định	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	
d	Các đồng chí Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội và các trường cao đẳng thuộc Thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy; Ủy viên Ban Thường vụ quận, huyện, thị ủy; Phó chủ tịch HĐND, Phó chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã và các đối tượng còn lại diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý	15 triệu đồng	10 lần mức lương cơ sở (14,9 triệu đồng)		15.000.000 đồng	
e	Cán bộ Lão thành cách mạng đang cư trú và hưởng chế độ trợ cấp tại các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội		25 lần mức lương cơ sở (37,3 triệu đồng)		40.000.000 đồng	
g	Cán bộ Tiền khởi nghĩa đang cư trú và hưởng chế độ trợ cấp tại các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội		15 lần mức lương cơ sở (22,4 triệu đồng)		25.000.000 đồng	
5	<b>Chế độ phúng viếng</b>					
a	Các đồng chí Bí thư, Phó bí thư Thành ủy; Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND Thành phố (đương chức và nghỉ hưu)	Vòng hoa + Tiền phúng viếng 2,5 lần mức lương cơ sở (3,7 triệu đồng)	Vòng hoa (tối đa 1 lần mức lương cơ sở) + Tiền phúng viếng 3 lần mức lương cơ sở (4,5 triệu đồng)	2.500.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 2.000.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
b	Các đồng chí Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy; Phó chủ tịch HĐND, Phó chủ tịch UBND Thành phố; Trợ lý của đồng chí Bí thư Thành ủy; Phó trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách Thành phố Hà Nội (đương chức và nghỉ hưu)					
-	Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội	Vòng hoa + Tiền phúng viếng 2 lần mức lương cơ sở (3 triệu đồng)	Vòng hoa (tối đa 1 lần mức lương cơ sở) + Tiền phúng viếng 2,5 lần mức lương cơ sở (3,7 triệu đồng)	2.500.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 1.500.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
-	Cán bộ giữ chức danh tại điểm b nêu trên (trừ Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ thành phố)	Vòng hoa + Tiền phúng viếng 2 lần mức lương cơ sở (3 triệu đồng)	Vòng hoa (tối đa 1 lần mức lương cơ sở) + Tiền phúng viếng 2,5 lần mức lương cơ sở (3,7 triệu đồng)		4.000.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
c	Các đồng chí là Trưởng ban đảng, cơ quan trực thuộc Thành ủy; Thư ký của đồng chí Bí thư Thành ủy; Thành ủy viên; Giám đốc sở, trường cơ quan, ban ngành, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố và tương đương (bao gồm cả các đơn vị sự nghiệp, đơn vị hiệp quản); Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố; Bí thư đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy; Bí thư quận, huyện, thị ủy; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tổng công ty trực thuộc Thành phố (đương chức và nghỉ hưu)					



TT	Đối tượng	Quy định tại các Quyết định 2616-QĐ/TU, 2617-QĐ/TU, 3967-QĐ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy	Đề xuất của Ban Tổ chức Thành ủy	Đề xuất của UBND Thành phố		Ghi chú
				Chế độ cấp có thẩm quyền quy định	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	
-	Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội	Vòng hoa + Tiền phúng viếng 1,5 lần mức lương cơ sở (2,2 triệu đồng)	Vòng hoa (tối đa 1 lần mức lương cơ sở) + Tiền phúng viếng 2 lần mức lương cơ sở (3 triệu đồng)	2.500.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
-	Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội	Vòng hoa + Tiền phúng viếng 1,5 lần mức lương cơ sở (2,2 triệu đồng)	Vòng hoa (tối đa 1 lần mức lương cơ sở) + Tiền phúng viếng 2 lần mức lương cơ sở (3 triệu đồng)	2.500.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
-	Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành quận, huyện, thị ủy và Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội	Vòng hoa + Tiền phúng viếng 1,5 lần mức lương cơ sở (2,2 triệu đồng)	Vòng hoa (tối đa 1 lần mức lương cơ sở) + Tiền phúng viếng 2 lần mức lương cơ sở (3 triệu đồng)	Tối đa 1.250.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 2.250.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
-	Cán bộ giữ chức danh tại điểm c nêu trên (trừ Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối, quận, huyện, thị ủy, Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội)	Vòng hoa + Tiền phúng viếng 1,5 lần mức lương cơ sở (2,2 triệu đồng)	Vòng hoa (tối đa 1 lần mức lương cơ sở) + Tiền phúng viếng 2 lần mức lương cơ sở (3 triệu đồng)		3.500.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
d	Các đồng chí là Phó trưởng ban đảng, cơ quan trực thuộc Thành ủy; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố; Thư ký của các đồng chí Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND Thành phố; Phó giám đốc sở, phó trưởng các cơ quan, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố và tương đương (bao gồm cả các đơn vị sự nghiệp, đơn vị hiệp quán); Phó Bí thư đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy; Phó Bí thư quận, huyện, thị ủy; Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; Ủy viên ủy ban kiểm tra Thành ủy; Cấp trưởng các Hội nghề nghiệp Thành phố; Phó tổng giám đốc Tổng công ty trực thuộc Thành phố (đương chức và nghỉ hưu)					
-	Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội	Vòng hoa + Tiền phúng viếng 1,5 lần mức lương cơ sở (2,2 triệu đồng)	Vòng hoa (tối đa 1 lần mức lương cơ sở) + Tiền phúng viếng 1,5 lần mức lương cơ sở (2,3 triệu đồng)	2.500.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 500.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng

TT	Đối tượng	Quy định tại các Quyết định 2616-QĐ/TU, 2617-QĐ/TU, 3967-QĐ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy	Đề xuất của Ban Tổ chức Thành ủy	Đề xuất của UBND Thành phố		Ghi chú
				Chế độ cấp có thẩm quyền quy định	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	
-	Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội	Vòng hoa + Tiền phúng viếng 1,5 lần mức lương cơ sở (2,2 triệu đồng)	Vòng hoa (tối đa 1 lần mức lương cơ sở)+ Tiền phúng viếng 1,5 lần mức lương cơ sở (2,3 triệu đồng)	2.500.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 500.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
-	Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành quận, huyện, thị ủy và Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội	Vòng hoa + Tiền phúng viếng 1,5 lần mức lương cơ sở (2,2 triệu đồng)	Vòng hoa (tối đa 1 lần mức lương cơ sở)+ Tiền phúng viếng 1,5 lần mức lương cơ sở (2,3 triệu đồng)	Tối đa 1.250.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 1.250.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
-	Cán bộ giữ chức danh tại điểm d nêu trên (trừ Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối, quận, huyện, thị ủy, Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội)	Vòng hoa + Tiền phúng viếng 1,5 lần mức lương cơ sở (2,2 triệu đồng)	Vòng hoa (tối đa 1 lần mức lương cơ sở)+ Tiền phúng viếng 1,5 lần mức lương cơ sở (2,3 triệu đồng)		3.000.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
d	Các đồng chí Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội và các trường cao đẳng thuộc Thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy; Ủy viên Ban Thường vụ quận, huyện, thị ủy; Phó chủ tịch HĐND, Phó chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã và các đối tượng còn lại diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý (đương chức và nghỉ hưu)					
-	Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội	Vòng hoa + Tiền phúng viếng 1 lần mức lương cơ sở (1,5 triệu đồng)	Vòng hoa (tối đa 1 lần mức lương cơ sở) + Tiền phúng viếng 1 lần mức lương cơ sở (1,5 triệu đồng)	2.500.000 đồng/người và 01 vòng hoa		Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
-	Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành quận, huyện, thị ủy và Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội	Vòng hoa + Tiền phúng viếng 1 lần mức lương cơ sở (1,5 triệu đồng)	Vòng hoa (tối đa 1 lần mức lương cơ sở) + Tiền phúng viếng 1 lần mức lương cơ sở (1,5 triệu đồng)	Tối đa 1.250.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 1.250.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
-	Cán bộ giữ chức danh tại điểm đ nêu trên (trừ Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối, quận, huyện, thị ủy, Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội)	Vòng hoa + Tiền phúng viếng 1 lần mức lương cơ sở (1,5 triệu đồng)	Vòng hoa (tối đa 1 lần mức lương cơ sở) + Tiền phúng viếng 1 lần mức lương cơ sở (1,5 triệu đồng)		2.500.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng



TT	Đối tượng	Quy định tại các Quyết định 2616-QĐ/TU, 2617-QĐ/TU, 3967-QĐ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy	Đề xuất của Ban Tổ chức Thành ủy	Đề xuất của UBND Thành phố		Ghi chú
				Chế độ cấp có thẩm quyền quy định	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	
e	Cán bộ Lão thành cách mạng đang cư trú và hưởng chế độ trợ cấp tại các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội	Vòng hoa + Tiền phúng viếng 1,5 lần mức lương cơ sở (2,2 triệu đồng)	Vòng hoa (tối đa 1 lần mức lương cơ sở) + Tiền phúng viếng 2,5 lần mức lương cơ sở (3,7 triệu đồng)		01 vòng hoa (tối đa 1.500.000 đồng) và tiền phúng viếng bằng 4.000.000 đồng/người	
g	Cán bộ Tiền khởi nghĩa đang cư trú và hưởng chế độ trợ cấp tại các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội	Vòng hoa + Tiền phúng viếng 1 lần mức lương cơ sở (1,5 triệu đồng)	Vòng hoa (tối đa 1 lần mức lương cơ sở) + Tiền phúng viếng 1,5 lần mức lương cơ sở (2,3 triệu đồng)		01 vòng hoa (tối đa 1.500.000 đồng) và tiền phúng viếng bằng 3.000.000 đồng/người	
h	Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Đảng viên được tặng Huy hiệu 70 năm tuổi Đảng trở lên; Bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng); con đẻ của cán bộ giữ các chức danh nêu tại điểm a, b, c, d, đ					
-	Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Đảng viên được tặng Huy hiệu 70 năm tuổi Đảng trở lên	Bằng mức với các chức danh tương đương	Vòng hoa (tối đa 1 lần mức lương cơ sở) + Tiền phúng viếng 1 lần mức lương cơ sở (1,5 triệu đồng)		01 vòng hoa (tối đa 1.500.000 đồng) và tiền phúng viếng bằng 2.000.000 đồng/người	
-	Bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng); con của cán bộ giữ các chức danh nêu tại điểm a, b, c, d, đ, trong đó:					
	Cán bộ giữ các chức danh nêu tại điểm a, b, c, d, đ là Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội	Bằng mức với các chức danh tương đương	Vòng hoa (tối đa 1 lần mức lương cơ sở) + Tiền phúng viếng 1 lần mức lương cơ sở (1,5 triệu đồng)	1.500.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 500.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
	Cán bộ giữ các chức danh nêu tại điểm a, b, c, d, đ là Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội	Bằng mức với các chức danh tương đương	Vòng hoa (tối đa 1 lần mức lương cơ sở) + Tiền phúng viếng 1 lần mức lương cơ sở (1,5 triệu đồng)	1.500.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 500.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
	Cán bộ giữ các chức danh nêu tại điểm a, b, c, d, đ là Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành quận, huyện, thị ủy; Đảng ủy khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội	Bằng mức với các chức danh tương đương	Vòng hoa (tối đa 1 lần mức lương cơ sở) + Tiền phúng viếng 1 lần mức lương cơ sở (1,5 triệu đồng)	750.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 1.250.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
	Cán bộ giữ các chức danh nêu tại điểm a, b, c, d, đ (trừ Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối, quận, huyện, thị ủy, Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội)	Bằng mức với các chức danh tương đương	Vòng hoa (tối đa 1 lần mức lương cơ sở) + Tiền phúng viếng 1 lần mức lương cơ sở (1,5 triệu đồng)		2.000.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
i	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng ủy khối, quận ủy, huyện ủy, thị ủy, Đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội (đương chức và nghỉ hưu)					

TT	Đối tượng	Quy định tại các Quyết định 2616-QĐ/TU, 2617-QĐ/TU, 3967-QĐ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy	Đề xuất của Ban Tổ chức Thành ủy	Đề xuất của UBND Thành phố		Ghi chú
				Chế độ cấp có thẩm quyền quy định	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	
-	Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội	- Vòng hoa + 2,5 triệu đồng/người	Vòng hoa (tối đa 0,5 lần mức lương cơ sở) + Tiền phúng viếng 0,8 lần mức lương cơ sở (1,2 triệu đồng)	2.500.000 đồng/người và 01 vòng hoa		Vòng hoa tối đa 800.000 đồng
-	Ủy viên Ban chấp hành quận, huyện, thị ủy và Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội	- Vòng hoa + 2,5 triệu đồng/người đối ĐU khu CN&CX - Vòng hoa 1,3 triệu đồng/người đối với quận, huyện, thị ủy	Vòng hoa (tối đa 0,5 lần mức lương cơ sở) + Tiền phúng viếng 0,8 lần mức lương cơ sở (1,2 triệu đồng)	Tối đa 1.250.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 1.250.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 800.000 đồng
k	Cán bộ, công chức, người lao động (kể cả người đã nghỉ hưu) làm việc tại các Đảng ủy khối, quận ủy, huyện ủy, thị ủy, Đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội					
-	Cán bộ, công chức, người lao động (kể cả người đã nghỉ hưu) làm việc tại các Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội	Vòng hoa + 2 triệu đồng/người	Vòng hoa (tối đa 0,5 lần mức lương cơ sở) + Tiền phúng viếng 0,7 lần mức lương cơ sở (1 triệu đồng)	2.000.000 đồng/người và 01 vòng hoa		Vòng hoa tối đa 800.000 đồng
-	Cán bộ, công chức, người lao động (kể cả người đã nghỉ hưu) làm việc tại các quận, huyện, thị ủy, đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội	- Vòng hoa + 2 triệu đồng/người đối ĐU khu CN&CX - Vòng hoa + 1 triệu đồng/người đối với quận, huyện, thị ủy	Vòng hoa (tối đa 0,5 lần mức lương cơ sở) + Tiền phúng viếng 0,7 lần mức lương cơ sở (1 triệu đồng)	1.000.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 800.000 đồng
l	Bí thư, phó bí thư Đảng ủy xã, phường, thị trấn (đương chức và nghỉ hưu) thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội	Vòng hoa + 0,7 triệu đồng/người lần	Vòng hoa (tối đa 0,3 lần mức lương cơ sở) + Tiền phúng viếng 0,5 lần mức lương cơ sở (0,8 triệu đồng)		01 vòng hoa (tối đa 500.000 đồng) và tiền phúng viếng bằng 1.000.000 đồng/người	
m	Ủy viên Ban chấp hành (đương chức), cán bộ thường trực văn phòng Đảng ủy của Đảng ủy xã, phường, thị trấn thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội	Vòng hoa + 0,5 triệu đồng/người lần	Vòng hoa (tối đa 0,3 lần mức lương cơ sở) + Tiền phúng viếng 0,4 lần mức lương cơ sở (0,6 triệu đồng)		01 vòng hoa (tối đa 500.000 đồng) và tiền phúng viếng bằng 1.000.000 đồng/người	
n	Bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng); con của cán bộ giữ các chức danh nêu tại điểm i, trong đó:					
-	Cán bộ giữ các chức danh nêu tại điểm i là Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội	Vòng hoa + 1,5 triệu đồng/người đối ĐU khu ĐUK,	Vòng hoa (tối đa 0,5 lần mức lương cơ sở) + Tiền phúng viếng 0,5 lần mức lương cơ sở (0,8 triệu đồng)	1.500.000 đồng/người và 01 vòng hoa		Vòng hoa tối đa 800.000 đồng



TT	Đối tượng	Quy định tại các Quyết định 2616-QĐ/TU, 2617-QĐ/TU, 3967-QĐ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy	Đề xuất của Ban Tổ chức Thành ủy	Đề xuất của UBND Thành phố		Ghi chú
				Chế độ cấp có thẩm quyền quy định	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	
-	Cán bộ giữ các chức danh nêu tại điểm i là Ủy viên Ban chấp hành quận, huyện, thị ủy; Đảng ủy khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội	- Vòng hoa + 1,5 triệu đồng/người đối ĐU khu CN&CX, - Vòng hoa 0,8 triệu đồng/người đối với quận, huyện, thị ủy	Vòng hoa (tối đa 0,5 lần mức lương cơ sở) + Tiền phúng viếng 0,5 lần mức lương cơ sở (0,8 triệu đồng)	Tối đa 750.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 750.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 800.000 đồng
o	Bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng); con của cán bộ giữ các chức danh nêu tại điểm k, trong đó:					
-	Cán bộ giữ các chức danh nêu tại điểm k là Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội	Vòng hoa + Tối đa 1 triệu đồng/người	Vòng hoa (tối đa 0,5 lần mức lương cơ sở) + Tiền phúng viếng 0,5 lần mức lương cơ sở (0,8 triệu đồng)	1.000.000 đồng/người và 01 vòng hoa		Vòng hoa tối đa 800.000 đồng
-	Cán bộ giữ các chức danh nêu tại điểm k là Ủy viên Ban chấp hành quận, huyện, thị ủy; Đảng ủy khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội	- Vòng hoa + Tối đa 1 triệu đồng/người đối ĐU khu CN&CX - Vòng hoa + 0,5 triệu đồng/người đối với quận, huyện, thị ủy	Vòng hoa (tối đa 0,5 lần mức lương cơ sở) + Tiền phúng viếng 0,5 lần mức lương cơ sở (0,8 triệu đồng)	Tối đa 500.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 500.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 800.000 đồng
ô	Bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng); con của cán bộ giữ các chức danh nêu tại điểm l, m	Vòng hoa + 0,4 triệu đồng/người lần	Vòng hoa (tối đa 0,3 lần mức lương cơ sở) + Tiền phúng viếng 0,3 lần mức lương cơ sở (0,5 triệu đồng)		01 vòng hoa (tối đa 500.000 đồng) và tiền phúng viếng bằng 500.000 đồng/người	
<b>II</b>	<b>Quy định chế độ tiền thưởng kèm theo Huy hiệu từ 70 năm tuổi Đảng trở lên (Mức chi tiền thưởng kèm theo Huy hiệu Đảng sau khi nhân với hệ số mức tiền lương cơ sở được làm tròn lên số hàng trăm nghìn đồng)</b>					
1	Huy hiệu 70 năm tuổi Đảng	9,5 lần mức lương cơ sở	9,5 lần mức lương cơ sở	8,0 lần mức lương cơ sở	Hỗ trợ thêm 1,5 lần mức lương cơ sở	
2	Huy hiệu 75 năm tuổi Đảng	14 lần mức lương cơ sở	14 lần mức lương cơ sở	10 lần mức lương cơ sở	Hỗ trợ thêm 4,0 lần mức lương cơ sở	
3	Huy hiệu 80 năm tuổi Đảng	19 lần mức lương cơ sở	19 lần mức lương cơ sở	15 lần mức lương cơ sở	Hỗ trợ thêm 4,0 lần mức lương cơ sở	
4	Huy hiệu 85 năm tuổi Đảng	23,5 lần mức lương cơ sở	23,5 lần mức lương cơ sở	20 lần mức lương cơ sở	Hỗ trợ thêm 3,5 lần mức lương cơ sở	
5	Huy hiệu 90 năm tuổi Đảng	28 lần mức lương cơ sở	28 lần mức lương cơ sở	25 lần mức lương cơ sở	Hỗ trợ thêm 3,0 lần mức lương cơ sở	

**PHỤ LỤC 02**  
**MỘT SỐ CHẾ ĐỘ CHI TIÊU CỦA CÁC ĐẢNG ỦY KHỐI TRỰC THUỘC THÀNH ỦY, QUẬN, HUYỆN, THỊ ỦY**  
**VÀ CÁC ĐẢNG ỦY XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN THUỘC ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

(Kèm theo Tờ trình số 280 -TTr-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của UBND thành phố Hà Nội)

TT	Đối tượng	Quy định tại các Quyết định 3967-QĐ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy	Đề xuất của Ban Tổ chức Thành ủy	Đề xuất của UBND Thành phố		Ghi chú
				Chế độ cấp có thẩm quyền quy định	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	
<b>I</b>	<b>Chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của các đảng ủy Khối trực thuộc Thành ủy; Đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội; các quận ủy, huyện ủy, thị ủy trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội</b>					
1	Chế độ chi xây dựng, thẩm định các văn bản trình cấp ủy, Ban Thường vụ cấp ủy gồm nghị quyết, quy chế, quy định, đề án (Nội dung chi bao gồm: chi xây dựng kế hoạch, đề cương sơ bộ, đề cương chi tiết và biên tập, chỉnh sửa đến hoàn chỉnh văn bản; soạn thảo báo cáo giải trình (nếu có), tờ trình và văn bản chỉ đạo; chi họp, hội thảo (chế độ chi thực hiện theo quy định hiện hành); chi bồi dưỡng các bộ phận văn thư, đánh máy, in ấn, nhân sao, phát hành tài liệu, bồi dưỡng cho công tác lập dự toán và quyết toán kinh phí)					
a	Chi xây dựng văn bản					
-	Đối với văn bản mới:					
	Văn bản do cấp ủy quyết định ban hành	Tối đa 15.000.000 đồng/văn bản	Tối đa 15.000.000 đồng/văn bản	Tối đa 15.000.000 đồng/văn bản		
	Văn bản do Ban Thường vụ cấp ủy quyết định ban hành	Tối đa 10.000.000 đồng/văn bản	Tối đa 10.000.000 đồng/văn bản	Tối đa 10.000.000 đồng/văn bản		
-	Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung	Tuỳ theo nội dung, phạm vi sửa đổi, tổng mức kinh phí tối đa bằng 50% văn bản mới	Tuỳ theo nội dung, phạm vi sửa đổi, tổng mức kinh phí tối đa bằng 50% văn bản mới	Tuỳ theo nội dung, phạm vi sửa đổi, tổng mức kinh phí tối đa bằng 50% văn bản mới		
b	Chi cho công tác thẩm định văn bản					
-	Văn bản trình cấp ủy	Tổng mức kinh phí tối đa 2.500.000 đồng/văn bản	Tổng mức kinh phí tối đa 2.500.000 đồng/văn bản	Tổng mức kinh phí tối đa 2.500.000 đồng/văn bản		
-	Văn bản trình Ban Thường vụ cấp ủy	Tổng mức kinh phí tối đa 1.500.000 đồng/văn bản	Tổng mức kinh phí tối đa 1.500.000 đồng/văn bản	Tổng mức kinh phí tối đa 1.500.000 đồng/văn bản		
2	Chế độ chi xây dựng một số văn bản khác trình cấp ủy, Ban Thường vụ cấp ủy					
-	Xây dựng chương trình làm việc toàn khoá của cấp ủy	Tối đa 10.000.000 đồng/chương trình	Tối đa 10.000.000 đồng/chương trình	Tối đa 10.000.000 đồng/chương trình		
-	Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát toàn khoá của cấp ủy	Tối đa 5.000.000 đồng/chương trình	Tối đa 5.000.000 đồng/chương trình	Tối đa 5.000.000 đồng/chương trình		
-	Xây dựng chương trình làm việc năm của cấp ủy	Tối đa 2.500.000 đồng/chương trình.	Tối đa 2.500.000 đồng/chương trình.	Tối đa 2.500.000 đồng/chương trình.		
-	Soạn thảo chỉ thị; chương trình hành động, kế hoạch thực hiện nghị quyết (không xây dựng đề án) của cấp ủy	Tối đa 1.500.000 đồng/chương trình.	Tối đa 1.500.000 đồng/chương trình.	Tối đa 1.500.000 đồng/chương trình.		
-	Xây dựng báo cáo định kỳ năm của cấp ủy	Tối đa 5.000.000 đồng/báo cáo	Tối đa 5.000.000 đồng/báo cáo	Tối đa 5.000.000 đồng/báo cáo		



TT	Đối tượng	Quy định tại các Quyết định 3967-QĐ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy	Đề xuất của Ban Tổ chức Thành ủy	Đề xuất của UBND Thành phố		Ghi chú
				Chế độ cấp có thẩm quyền quy định	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	
-	Xây dựng báo cáo khác: Báo cáo sơ kết, tổng kết chuyên đề thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Thành ủy; Báo cáo công tác kiểm tra, giám sát năm của cấp ủy; Báo cáo công tác tài chính đảng hàng năm và nhiệm kỳ trình cấp ủy	Tối đa 3.000.000 đồng/báo cáo	Tối đa 3.000.000 đồng/báo cáo	Tối đa 3.000.000 đồng/báo cáo		
3	Chế độ chi cho các đoàn kiểm tra, giám sát được thành lập theo quyết định của Ban Thường vụ cấp ủy (không bao gồm các đoàn theo chương trình công tác năm của cấp ủy) (Nội dung chi bao gồm: Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát bao gồm: Kế hoạch, đề cương kiểm tra, giám sát; Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát; thông báo kết luận kiểm tra, giám sát; Chi họp đoàn kiểm tra, giám sát).	Tối đa 4.000.000 đồng/đoàn kiểm tra, giám sát	Tối đa 4.000.000 đồng/đoàn kiểm tra, giám sát	Tối đa 4.000.000 đồng/đoàn kiểm tra, giám sát		
4	Chế độ chi hội nghị	Thực hiện theo quy định tại Phụ lục 03 Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của Hội đồng Nhân dân Thành phố Hà Nội quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị của Thành phố Hà Nội	Thực hiện theo quy định tại Phụ lục 03 Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của Hội đồng Nhân dân Thành phố Hà Nội quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị của Thành phố Hà Nội	Thực hiện theo quy định tại Phụ lục 03 Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của Hội đồng Nhân dân Thành phố Hà Nội quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị của Thành phố Hà Nội		
	Đối với chi hỗ trợ tiền ăn của đại biểu và khách mời trong thời gian hội nghị được quy định như sau:					
-	Hội nghị cấp ủy, hội nghị do Ban Thường vụ cấp ủy triệu tập và chủ trì (không bao gồm hội nghị thường kỳ của Ban Thường vụ)	200.000 đồng/người/ngày	200.000 đồng/người/ngày	Tối đa 150.000 đồng/người/ngày	Hỗ trợ thêm 50.000 đồng/người/ngày	
-	Hội nghị tổng kết năm của cấp ủy	150.000 đồng/người/ngày	150.000 đồng/người/ngày	Tối đa 100.000 đồng/người/ngày	Hỗ trợ thêm 50.000 đồng/người/ngày	
5	Chế độ chi tiếp công dân	Thực hiện theo quy định của Thông tư số 320/2016/TT-BTC, ngày 14/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Thực hiện theo quy định của Thông tư số 320/2016/TT-BTC, ngày 14/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Thực hiện theo quy định của Thông tư số 320/2016/TT-BTC, ngày 14/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh		
6	Một số chế độ khác					
a	Chế độ trang phục					
-	Chế độ hỗ trợ tiền may trang phục mỗi nhiệm kỳ đại hội Đảng đối với các đồng chí ủy viên Ban Thường vụ, ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội	3.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ	3.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ	3.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ		

TT	Đối tượng	Quy định tại các Quyết định 3967-QĐ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy	Đề xuất của Ban Tổ chức Thành ủy	Đề xuất của UBND Thành phố		Ghi chú
				Chế độ cấp có thẩm quyền quy định	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	
-	Chế độ hỗ trợ tiền may trang phục mỗi nhiệm kỳ đại hội Đảng đối với các đồng chí ủy viên Ban Thường vụ, ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ các khu công nghiệp và chế xuất và Đảng bộ các quận, huyện, thị xã trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội	3.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ	3.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ	Tối đa 1.500.000 đồng/người/nhiệm kỳ	Hỗ trợ thêm 1.500.000 đồng/người/nhiệm kỳ	
-	Chế độ hỗ trợ tiền may trang phục mỗi năm cán bộ, công chức, người lao động làm việc tại các đảng ủy Khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội	500.000 đồng/người/năm	500.000 đồng/người/năm	500.000 đồng/người/năm		
-	Chế độ hỗ trợ tiền may trang phục mỗi năm cán bộ, công chức, người lao động làm việc tại các đảng ủy Khối trực thuộc Thành ủy, Đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất và các quận, huyện, thị ủy trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội	500.000 đồng/người/năm	500.000 đồng/người/năm	Tối đa 250.000 đồng/người/năm	Hỗ trợ thêm 250.000 đồng/người/năm	
b	Chế độ bồi dưỡng phục vụ hoạt động cấp ủy hàng tháng					
-	Đối với cán bộ, công chức, người lao động theo hình thức hợp đồng lao động không xác định thời hạn làm việc tại các đảng ủy Khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội	0,3 lần mức lương cơ sở	0,3 lần mức lương cơ sở	0,3 lần mức lương cơ sở		
-	Đối với cán bộ, công chức, người lao động theo hình thức hợp đồng lao động không xác định thời hạn làm việc tại Đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất và các quận, huyện, thị ủy thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội	0,3 lần mức lương cơ sở	0,3 lần mức lương cơ sở	Tối đa 0,15 mức lương cơ sở/người/tháng	Hỗ trợ thêm 0,15 mức lương cơ sở/người/tháng	
c	Chế độ bồi dưỡng hàng tháng đối với cán bộ, công chức làm công tác văn thư					
-	Tại các đảng ủy Khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội	0,1 lần mức lương cơ sở	0,1 lần mức lương cơ sở	0,1 lần mức lương cơ sở		
-	Tại Đảng ủy các khu công nghiệp, chế xuất và các quận, huyện, thị ủy của thành phố Hà Nội	0,1 lần mức lương cơ sở	0,1 lần mức lương cơ sở	Tối đa 0,05 mức lương cơ sở/người/tháng	Hỗ trợ thêm 0,05 mức lương cơ sở/người/tháng	
d	Chế độ tặng quà lưu niệm					
-	Cán bộ, công chức và người lao động làm việc tại các đảng ủy Khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội khi nghỉ hưu.	500.000 đồng	500.000 đồng	500.000 đồng		
-	Cán bộ, công chức và người lao động làm việc tại Đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất và các quận, huyện, thị ủy thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội khi nghỉ hưu.	500.000 đồng	500.000 đồng	Tối đa 500.000 đồng/người	Hỗ trợ thêm 500.000 đồng/người	
-	Cán bộ, công chức và người lao động làm việc tại các đảng ủy Khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội khi chuyển công tác đến các cơ quan, đơn vị không thuộc các cơ quan, đơn vị của Đảng	1.000.000 đồng	1.000.000 đồng	1.000.000 đồng		
-	Cán bộ, công chức và người lao động làm việc tại Đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất và các quận, huyện, thị ủy thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội khi chuyển công tác đến các cơ quan, đơn vị không thuộc các cơ quan, đơn vị của Đảng	1.000.000 đồng	1.000.000 đồng	Tối đa 250.000 đồng/người	Hỗ trợ thêm 250.000 đồng/người	
<b>II</b>	<b>Chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của các đảng ủy xã, phường, thị trấn trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội</b>					
<b>I</b>	<b>Chế độ chi xây dựng, thẩm định đề án trình cấp ủy</b>					
a	Chi xây dựng đề án do cấp ủy quyết định ban hành	Tối đa 10.000.000 đồng/đề án	Tối đa 10.000.000 đồng/đề án		Tối đa 10.000.000 đồng/đề án	



TT	Đối tượng	Quy định tại các Quyết định 3967-QĐ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy	Đề xuất của Ban Tổ chức Thành ủy	Đề xuất của UBND Thành phố		Ghi chú
				Chế độ cấp có thẩm quyền quy định	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	
b	Chi cho công tác thẩm định đề án	Tối đa 1.000.000 đồng/đề án	Tối đa 1.000.000 đồng/đề án		Tối đa 1.000.000 đồng/đề án	
<b>2</b>	<b>Chi xây dựng một số văn bản khác trình cấp ủy</b>					
a	Xây dựng chương trình làm việc toàn khoá của cấp ủy, chương trình kiểm tra, giám sát toàn khoá của cấp ủy, chương trình làm việc năm của cấp ủy. Chi soạn thảo chương trình hành động, kế hoạch thực hiện nghị quyết (không xây dựng đề án) của cấp ủy	Tối đa 500.000 đồng/văn bản	Tối đa 500.000 đồng/văn bản		Tối đa 500.000 đồng/văn bản	
b	Báo cáo định kỳ năm của cấp ủy	Tối đa 2.000.000 đồng/báo cáo	Tối đa 2.000.000 đồng/báo cáo		Tối đa 2.000.000 đồng/báo cáo	
c	Các báo cáo khác: báo cáo sơ kết, tổng kết chuyên đề thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Thành ủy; quận, huyện, thị ủy; báo cáo công tác kiểm tra, giám sát năm của cấp ủy, báo cáo công tác tài chính đảng hàng năm và nhiệm kỳ trình Ban Thường vụ	Tối đa 500.000 đồng/báo cáo	Tối đa 500.000 đồng/báo cáo		Tối đa 500.000 đồng/báo cáo	
<b>3</b>	<b>Chi cho các đoàn kiểm tra, giám sát được thành lập theo quyết định của cấp ủy (không bao gồm các đoàn theo chương trình công tác năm) (bao gồm các nội dung chi: xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát bao gồm: kế hoạch, đề cương kiểm tra, giám sát; báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát; thông báo kết luận kiểm tra, giám sát; chi họp đoàn kiểm tra, giám sát)</b>	Tối đa 2.000.000 đồng/đoàn kiểm tra, giám sát	Tối đa 2.000.000 đồng/đoàn kiểm tra, giám sát		Tối đa 2.000.000 đồng/đoàn kiểm tra, giám sát	
<b>4</b>	<b>Chi hội nghị</b>					
	Chế độ chi hội nghị	thực hiện theo quy định tại Phụ lục 03 Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND	thực hiện theo quy định tại Phụ lục 03 Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND	thực hiện theo quy định tại Phụ lục 03 Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND		
	Đối với chi hỗ trợ tiền ăn của đại biểu và khách mời trong thời gian hội nghị được quy định như sau:					
	- Hội nghị do cấp ủy triệu tập và chủ trì	150.000 đồng/người/ngày	150.000 đồng/người/ngày		150.000 đồng/người/ngày	
	- Hội nghị tổng kết năm của cấp ủy	100.000 đồng/người/ngày	100.000 đồng/người/ngày		100.000 đồng/người/ngày	
<b>5</b>	<b>Chi tiếp công dân</b>	Thực hiện theo quy định của Thông tư số 320/2016/TT-BTC, ngày 14/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Thực hiện theo quy định của Thông tư số 320/2016/TT-BTC, ngày 14/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Thực hiện theo quy định của Thông tư số 320/2016/TT-BTC, ngày 14/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh		
<b>6</b>	<b>Chế độ khác</b>					
a	Chế độ trang phục					
	Bí thư, Phó Bí thư thường trực	2.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ	2.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ		2.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ	
	Cán bộ thường trực Văn phòng Đảng ủy	400.000 đồng/người/năm	400.000 đồng/người/năm		400.000 đồng/người/năm	

TT	Đối tượng	Quy định tại các Quyết định 3967-QĐ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy	Đề xuất của Ban Tổ chức Thành ủy	Đề xuất của UBND Thành phố		Ghi chú
				Chế độ cấp có thẩm quyền quy định	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	
b	Chế độ bồi dưỡng phục vụ hoạt động cấp ủy đối với đồng chí Bí thư, Phó Bí thư thường trực và 01 cán bộ thường trực văn phòng Đảng ủy	0,3 lần mức lương cơ sở	0,3 lần mức lương cơ sở		0,3 lần mức lương cơ sở	
c	Chế độ tặng quà lưu niệm					
-	Cán bộ, công chức và người lao động làm việc tại Đảng ủy xã, phường, thị trấn khi nghỉ hưu.	500.000 đồng	500.000 đồng		500.000 đồng	
-	Cán bộ, công chức và người lao động làm việc tại Đảng ủy xã, phường, thị trấn khi chuyển công tác đến các cơ quan, đơn vị không thuộc các cơ quan, đơn vị của Đảng	1.000.000 đồng	1.000.000 đồng		1.000.000 đồng	



**PHỤ LỤC 03**  
**MỘT SỐ CHẾ ĐỘ, ĐỊNH MỨC CHI HỖ TRỢ TỔ CHỨC ĐẢNG, CÁC ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG CÁC DOANH NGHIỆP**  
**NGOÀI KHU VỰC NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

(Kèm theo Tờ trình số 280 -TTr-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của UBND thành phố Hà Nội)

TT	Đối tượng	Quy định tại các Quyết định 2100-QĐ/TU, 4831-QĐ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy	Đề xuất của Ban Tổ chức Thành ủy	Đề xuất của UBND Thành phố		Ghi chú
				Chế độ cấp có thẩm quyền quy định	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	
<b>I</b>	<b>Chế độ, định mức chi hỗ trợ tổ chức Đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước</b>					
1	Chi hỗ trợ thành lập mới áp dụng cho các đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy; Đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội; các quận, huyện, thị ủy trực thuộc Thành ủy Hà Nội. Nội dung chi bao gồm: Hỗ trợ khảo sát tình hình thực tế tại đơn vị, hỗ trợ đi lại của cán bộ; tuyên truyền, vận động, tổ chức thành lập; hỗ trợ cho các tổ chức đảng mới thành lập,... nhằm phát triển được tổ chức đảng mới trong doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước	20.000.000 đồng/1 tổ chức đảng thành lập mới	20.000.000 đồng/1 tổ chức đảng thành lập mới		20.000.000 đồng/1 tổ chức đảng thành lập mới	
2	Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động (Nội dung chi: hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên của tổ chức cơ sở đảng (văn phòng phẩm, thông tin, tuyên truyền, chi hội nghị, chi công tác xây dựng Đảng và các chi phí đảng vụ khác,...). Riêng khoản chi mua báo, tạp chí, tài liệu; chi khen thưởng; chi tổ chức đại hội đảng được thực hiện theo quy định, hướng dẫn chung của Trung ương Đảng). Định mức chi:					
a	Đối với các tổ chức cơ sở đảng (chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở) trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước					
-	Chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở có 30 đảng viên trở xuống	10 lần mức lương tối thiểu/chi bộ/năm	10 lần mức lương cơ sở/chi bộ/năm		15.000.000 đồng/chi bộ/năm	
-	Từ đảng viên thứ 31 đến đảng viên thứ 100	0,4 mức lương tối thiểu/đảng viên/năm	0,4 mức lương cơ sở/đảng viên/năm		600.000 đồng/đảng viên/năm	
-	Từ đảng viên thứ 101 đến đảng viên thứ 200	0,3 mức lương tối thiểu/đảng viên/năm	0,3 mức lương cơ sở/đảng viên/năm		500.000 đồng/đảng viên/năm	
-	Từ đảng viên thứ 201 đến đảng viên thứ 300	0,2 mức lương tối thiểu/đảng viên/năm	0,2 mức lương cơ sở/đảng viên/năm		300.000 đồng/đảng viên/năm	
-	Từ đảng viên thứ 301 trở lên	0,1 mức lương tối thiểu/đảng viên/năm.	0,1 mức lương cơ sở/đảng viên/năm.		150.000 đồng/đảng viên/năm	
-	Đối với các chi bộ trực thuộc đảng bộ xã, phường, thị trấn và tương đương:	5 lần mức lương tối thiểu chung/chi bộ/năm	5 lần mức lương cơ sở/chi bộ/năm		8.000.000 đồng/chi bộ/năm	
3	Chi hỗ trợ cho cán bộ làm công tác đảng tại các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước					

TT	Đối tượng	Quy định tại các Quyết định 2100-QĐ/TU, 4831-QĐ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy	Đề xuất của Ban Tổ chức Thành ủy	Đề xuất của UBND Thành phố		Ghi chú
				Chế độ cấp có thẩm quyền quy định	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	
-	Ủy viên ban chấp hành đảng bộ, chi bộ cơ sở tương đương cấp xã	0,3 mức lương cơ sở	0,3 mức lương cơ sở	0,3 mức lương cơ sở/tháng theo Quy định số 169-QĐ/TW ngày 24/6/2008 của Ban Chấp hành Trung ương về chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp		
-	Ủy viên ban chấp hành chi bộ trực thuộc đảng bộ xã, phường, thị trấn và tương đương	0,2 mức lương cơ sở	0,2 mức lương cơ sở		300.000 đồng/người/tháng	
<b>II</b>	<b>Chế độ, định mức chi hỗ trợ tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước</b>					
1	Chi hỗ trợ thành lập mới tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội áp dụng: tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội liên hiệp thanh niên, Hội liên hiệp phụ nữ Nội dung chi: hỗ trợ khảo sát tình hình thực tế tại đơn vị, hỗ trợ đi lại của cán bộ; tuyên truyền, vận động; tổ chức thành lập; hỗ trợ tổ chức lễ ra mắt, hỗ trợ cho tổ chức đoàn thể mới thành lập...	7.000.000 đồng/1 tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội mới thành lập	7.000.000 đồng/1 tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội mới thành lập		7.000.000 đồng/1 tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội mới thành lập	
2	Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động của các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội					
a	Đối với tổ chức Đoàn Thanh niên – Hội liên hiệp thanh niên trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước tương đương cấp huyện trực thuộc Thành đoàn – Hội liên hiệp thanh niên thành phố Hà Nội					
-	Tổ chức Đoàn trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước (tương đương tổ chức đoàn cấp huyện)	50.000.000 đồng/đơn vị/năm	50.000.000 đồng/đơn vị/năm		50.000.000 đồng/đơn vị/năm	
-	Hội Liên hiệp thanh niên trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước (tương đương tổ chức hội cấp huyện)	20.000.000 đồng/đơn vị/năm	20.000.000 đồng/đơn vị/năm		20.000.000 đồng/đơn vị/năm	
b	Tổ chức Đoàn Thanh niên – Hội liên hiệp thanh niên trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước tương đương cấp xã trực thuộc Thành đoàn Thanh niên – Hội Liên hiệp thanh niên quận, huyện, thị xã					
-	Tổ chức Đoàn thanh niên trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước (tương đương tổ chức Đoàn cấp xã)	10.000.000 đồng/đơn vị/năm	10.000.000 đồng/đơn vị/năm		10.000.000 đồng/đơn vị/năm	
-	Hội liên hiệp thanh niên trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước (tương đương tổ chức Hội cấp xã)	5.000.000 đồng/đơn vị/năm	5.000.000 đồng/đơn vị/năm		5.000.000 đồng/đơn vị/năm	
c	Tổ chức Hội phụ nữ trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước cấp cơ sở tương đương cấp xã	10.000.000 đồng/đơn vị/năm	10.000.000 đồng/đơn vị/năm		10.000.000 đồng/đơn vị/năm	
3	Chi hỗ trợ cán bộ làm công tác đoàn thể trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước					



TT	Đối tượng	Quy định tại các Quyết định 2100-QĐ/TU, 4831-QĐ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy	Đề xuất của Ban Tổ chức Thành ủy	Đề xuất của UBND Thành phố		Ghi chú
				Chế độ cấp có thẩm quyền quy định	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	
a	Đối với tổ chức Đoàn thanh niên trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước tương đương cấp huyện, trực thuộc Thành đoàn Hà Nội					
-	Bí thư Đoàn thanh niên (tương đương cấp huyện)	0,4 mức lương cơ sở/tháng	0,4 mức lương cơ sở/tháng		600.000 đồng/người/tháng	
-	Phó Bí thư Đoàn thanh niên (tương đương cấp huyện)	0,25 mức lương cơ sở/tháng	0,25 mức lương cơ sở/tháng		400.000 đồng/người/tháng	
b	Đối với tổ chức Đoàn thanh niên trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước tương đương cấp xã					
-	Bí thư Đoàn cơ sở	0,15 mức lương cơ sở/tháng	0,15 mức lương cơ sở/tháng		250.000 đồng/người/tháng	
-	Phó Bí thư Đoàn cơ sở	0,1 mức lương cơ sở/tháng	0,1 mức lương cơ sở/tháng		150.000 đồng/người/tháng	
c	Đối với tổ chức Hội phụ nữ cấp cơ sở tương đương cấp xã					
-	Chủ tịch Hội phụ nữ	0,15 mức lương cơ sở/tháng	0,15 mức lương cơ sở/tháng		250.000 đồng/người/tháng	
-	Phó Chủ tịch Hội phụ nữ	0,1 mức lương cơ sở/tháng	0,1 mức lương cơ sở/tháng		150.000 đồng/người/tháng	
d	Đối với tổ chức Đoàn thanh niên trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước tương đương cấp huyện, trực thuộc Thành đoàn Hà Nội				<p>Chế độ phụ cấp cán bộ Công đoàn cơ sở tại các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước thực hiện theo quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.</p> <p>Trường hợp tổ chức Công đoàn tại các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước gặp khó khăn về kinh phí, không thể chi phụ cấp kiêm nhiệm đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Công đoàn, thì được ngân sách Thành phố hỗ trợ kinh phí chi phụ cấp kiêm nhiệm cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch Công đoàn cơ sở, với mức chi bằng 50% mức phụ cấp theo quy định của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam.</p>	